

LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

Tập 25, Thích Kinh Luận Bộ ,số 1510b, 3 quyển, Kim Cương Bát Nhã Ba
La Mật Kinh Luận , Vô Trước Bồ Tát tạo Tùy Đạt Ma Cấp Đa dịch,
Nguyên Huệ Việt Dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 28-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

QUYỂN 1

QUYỂN 2

QUYỂN 3

---o0o---

QUYỂN 1

Xuất sinh pháp Phật không gì hơn
Hiện bày pháp giới là bậc nhất
Kim cương khó hoại, câu nghĩa hợp
Tất cả Thánh nhân không thể nhập.
Tiểu Kim Cương Ba-la-mật này
Do tên như thế nêu uy lực
Bậc Trí đã thuyết giảng giáo, nghĩa
Nghe rồi chuyển vì chúng con nói.
Quy mạng hết thấy bậc Giác ngộ
Đều đem tâm chánh mà đánh lễ
Con nên tinh tấn lập nghĩa ấy
Giải thích nối tiếp vì mình, người.

* Luận nêu: Thành lập bảy thứ Nghĩa cú rồi, thì Bát-nhã Ba-la-mật này liền
được thành lập. Bảy Nghĩa cú là:

1. Chủng tánh không đoạn.
2. Phát khởi hành tướng.
3. Nêu trụ xứ của hành.
4. Đối trị.
5. Không lỗi.
6. Địa.
7. Lập danh.

Bảy nghĩa như thế được thành lập từ trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật nên gọi là Nghĩa cú.

Ở đây, sáu Nghĩa cú trước là hiển thị chỗ tạo tác rốt ráo của Bồ-tát. Nghĩa cú thứ bảy hiển thị việc thành lập pháp môn ấy. Nên nhận biết như thế. Bát-nhã Ba-la-mật này, vì Phật chủng không đoạn dứt nên lưu hành ở đời. Thượng tọa Tu-bồ-đề, ngay nơi phần đầu kinh đã bạch Phật: Hy hữu thay! Đức Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đã khéo hộ niệm các Bồ-tát, đã khéo phó chúc các Bồ-tát v.v... (Chủng tánh không đoạn).

* Nghĩa cú thứ hai: Phát khởi hành tướng

Như kinh viết: Thế nào là Bồ-tát ở trong Đại thừa phát khởi tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng? v.v...

* Nghĩa cú thứ ba: Nêu trụ xứ của hành

Nghĩa là nêu trụ xứ của hành tướng được phát khởi kia. Ở đây lại có 18 thứ, nên biết:

1. Phát tâm. Như kinh nói: Các Bồ-tát nên sinh tâm như thế, đối với tất cả chúng sinh hiện có v.v...
2. Hành Ba-la-mật tương ưng. Như kinh nêu: Không trụ nơi sự để hành bố thí v.v...
3. Muốn đạt được Sắc thân. Như kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai chăng? v.v...
4. Muốn đạt được Pháp thân. Kinh viết: Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Nếu có chúng sinh nơi đời vị lai v.v...

5. Ở trong việc tu đạo đạt được pháp thù thắng, không kiêu mạn. Kinh viết: Tu-đà-hoàn có thể khởi niệm này v.v...

6. Không lìa lúc Phật xuất hiện ở đời. Kinh nêu: Theo ý của Tôn giả là thế nào? Như Lai, về thời xa xưa, ở nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng v.v...

7. Nguyên làm thanh tịnh cõi Phật. Kinh viết: Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói như vậy: Ta đã trang nghiêm quốc độ Phật v.v...

8. Thành thực chúng sinh. Kinh nêu: Tu-bồ-đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu-di v.v...

9. Xa lìa việc thuận theo nẻo tán loạn của ngoại luận. Kinh viết: Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như số lượng cát hiện có trong sông Hằng v.v...

10. Sắc thân cùng chúng sinh thân giữ lấy chỗ hợp với quán, làm rõ hành tương ưng. Kinh nêu: Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Số lượng vi trần hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới v.v...

11. Cúng dường, hầu cận Như Lai. Kinh viết: Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng của bậc đại nhân để thấy Như Lai chăng? v.v...

12. Xa lìa mọi thứ lợi dưỡng cùng phiền não bức bách và mệt nhọc, thiếu thốn, khiến tinh tấn không khởi cùng thối chuyển. Kinh nêu: Tu-bồ-đề! Nếu các thiện nam, thiện nữ dùng Hằng hà sa số thân v.v...

13. Nhẫn chịu khổ. Kinh nêu: Như Lai nói Nhẫn nhục Ba-la-mật v.v...

14. Lìa vị tịch tĩnh. Kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Như các thiện nam, thiện nữ, có thể đối với pháp môn này thọ trì, đọc tụng, tu tập v.v...

15. Vào lúc chứng đạo, xa lìa hỷ động. Kinh viết: Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng? v.v...

16. Cầu được chỉ dạy, trao truyền. Kinh viết: Ý như thế nào? Như Lai ở nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng có pháp nào để đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? v.v...

17. Chứng đạo. Kinh nêu: Ví như có người thân vi diệu, to lớn v.v...

18. Cầu đạt Phật địa. Kinh viết: Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói như vậy: Ta đã trang nghiêm quốc độ của Phật, tức không gọi là Bồ-tát v.v...

Những trụ xứ ấy, tóm lược làm 8 loại cũng được đầy đủ:

1. Trụ xứ gồm thân.
2. Trụ xứ Ba-la-mật thanh tịnh.
3. Trụ xứ mong muốn.
4. Trụ xứ lìa chướng ngại.
5. Trụ xứ tâm tịnh.
6. Trụ xứ cứu cánh.
7. Trụ xứ rộng lớn.
8. Trụ xứ thâm diệu.

Ở đây:

- + Trụ xứ gồm thân: Nghĩa là phát tâm.
- + Trụ xứ Ba-la-mật thanh tịnh: Là hành Ba-la-mật tương ưng.
- + Trụ xứ mong muốn: Là muốn đạt được Sắc thân, Pháp thân.
- + Trụ xứ lìa chướng ngại: Là mười hai thứ còn lại.
- + Trụ xứ tâm tịnh: Là chứng đạo.
- + Trụ xứ cứu cánh: Là trên cầu Phật địa.
- + Trụ xứ rộng lớn và trụ xứ thâm diệu: Là chung cho tất cả trụ xứ.

Ở trong Trụ xứ thứ nhất: Nếu nói Bồ-tát nên sinh tâm như thế, đối với chúng sinh hiện có, đây là rộng lớn.

Lại nói: Nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh v.v... Đây là thâm diệu.

Trong Trụ xứ thứ hai: Nếu nói Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí v.v... Đây là thâm diệu. Nếu lại nói: Tụ phước hiện có kia là không thể lường xét v.v... Đây là rộng lớn.

Như thế, ở trong các trụ xứ còn lại, tính chất rộng lớn, thâm diệu, nên biết là theo chỗ tương ứng.

* Đã nói về Trụ xứ. Nghĩa cú thứ tư: Đối trị

Hành tướng ấy tương ứng như thế, lúc hành các trụ xứ, nên biết là có 2 thứ đối trị:

1. Hành tà.

2. Hành chánh cùng kiến.

Ở đây, kiến tức là phân biệt.

Trong trụ xứ thứ nhất: Nếu nói Bồ-tát nên sinh tâm như thế nơi chúng sinh hiện có: Đây là đối trị hành tà. Vì sinh tâm như thế là Bồ-tát hành tà. Nếu lại nói: Như Bồ-tát có tướng chúng sinh v.v... Đây là đối trị hành chánh cùng kiến. Vì phân biệt chấp ấy, Bồ-tát cũng nên đoạn trừ, nghĩa là: Ta nên độ chúng sinh đưa họ đến giải thoát.

Nơi trụ xứ thứ hai: Như nói: Nên hành bố thí. Đây là đối trị hành tà. Vì không phải đối với bố thí là hành tà của Bồ-tát.

Như lại nói: Trụ nơi sự v.v... Đây là đối trị hành chánh cùng kiến. Vì phân biệt chấp này, Bồ-tát cũng nên đoạn trừ. Nghĩa là nên hành bố thí.

* Nghĩa cú thứ năm: Không lỗi

Nghĩa là lìa hai biên. Thế nào là hai biên? Nghĩa là biên tăng ích và biên tổn giảm.

Nếu ở trong pháp như ngôn từ, phân biệt chấp có tự tánh, là biên tăng ích. Hoặc ở trong sự của pháp vô ngã mà chấp là không, là biên tổn giảm.

Trong đây, như nói: Thế Tôn! Nếu tụ phước chẳng phải là tụ phước v.v... Đây là nhằm ngăn chặn biên tăng ích. Do tụ phước kia không có tự tánh phân biệt. Hoặc lại nói: Thế nên Như Lai nói là tụ phước. Đây là nhằm ngăn

chận biên tổn giảm. Vì tụ phước ấy không như ngôn từ có tự tánh, nhưng có sự để có thể nêu bày, do Như Lai nói tụ phước. Đây là được hiển thị như thế.

Tu-bồ-đề! Phật pháp, Phật pháp ấy, Như Lai nói là phi Phật pháp: Đây là nhằm ngăn chặn biên tăng ích.

Đó gọi là Phật pháp: Đây là ngăn chặn biên tổn giảm.

Ở đây, Như Lai nói là phi Phật pháp: Là hiển bày nghĩa không lỗi.

Đó gọi là Phật pháp: Là hiển bày nghĩa tương ưng.

Thế nào là tương ưng? Nếu Phật pháp, như nói có tự tánh, tức Như Lai không nói là Phật pháp. Do tuy không nói cũng tự nhận biết, vì vậy không có tự tánh. Vì thế để nên Như Lai nói, gọi là Phật pháp.

Như thế, nơi tất cả xứ đã hiển thị nghĩa không chung và nghĩa tương ưng, nên biết.

Lại nữa, Phật pháp: Là gồm thâm sự Ba-la-mật cùng các pháp Bồ-đề phân như Niệm xứ v.v... Nên biết, Bồ-tát là hai biên ấy, nên ở nơi sự đối trị kia không còn có lỗi. Đó gọi là không lỗi.

* Nghĩa cú thứ sáu: Nêu địa

Địa này có 3 thứ:

1. Địa Tín hành.
2. Địa Tâm tịnh.
3. Địa Như Lai.

Trong đó:

- + Mười sáu xứ trước là hiển bày địa Tín hành.
- + Trụ xứ chứng đạo là địa Tâm tịnh.
- + Trụ xứ cầu đạt Phật địa là địa Như Lai.

* Nghĩa cú thứ bảy: Lập danh

Gọi là kim cương năng đoạn: Tên gọi này có hai tướng nghĩa, nên biết, như nói: Hành nhập chánh kiến, hành nhập tà kiến.

+ Kim cương: Là vi tế, cứng chắc. Vi tế: Là nhân của trí. Cứng chắc: Là không thể hoại.

+ Năng đoạn: Là đối tượng đoạn trừ của văn tư tu trong Trí tuệ Ba-la-mật, như xứ đoạn của kim cương mà đoạn. Đó gọi là kim cương năng đoạn.

Lại như vẽ hình kim cương, trước sau rộng, giữa thì hẹp. Như vậy, trong Trí tuệ Ba-la-mật, hẹp là địa Tâm tịnh. Trước, sau rộng là địa Tín hành, địa Như Lai. Đây là hiển thị nghĩa không chung.

Năm thứ Nghĩa cú kia, càng lên trên càng nương dựa, nên biết là tất cả đều nương dựa nơi địa.

* Kinh viết: “Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Bà-già-bà ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà – Cấp Cô Độc thuộc thành Xá-bà-đề, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ.

Bấy giờ, sắp vào giờ thọ trai, Đức Thế Tôn mặc y, bung bát, vào đại thành Xá-bà-đề, theo thứ lớp khát thực. Khát thực xong, Đức Thế Tôn trở về trụ xứ để thọ trai. Thọ thực xong xuôi, Đức Thế Tôn râu y, bát, rửa chân, rồi trải tọa cụ, ngồi kiết già, chánh niệm, bất động.

Lúc này, các Tỳ-kheo cùng đi đến chỗ Phật, cung kính đánh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh Phật ba vòng theo phía tay phải rồi lui ra ngồi qua một bên.

Khi ấy, Huệ mạng Tu-bồ-đề, ở trong đại chúng, liền từ tòa ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, hướng về Đức Phật, chắp tay cung kính bạch Phật: Hy hữu thay Đức Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đã khéo hộ niệm các Bồ-tát, khéo phò chúc các Bồ-tát”.

* Luận nêu: Thân Tu-đà-la nói tiếp, Nghĩa cú ấy nay sẽ nói.

Đức Thế Tôn do đâu đã dùng oai nghi của người tịch tĩnh để an tọa? Là nhằm hiển thị, chỉ có người tịch tĩnh, đối với pháp mới có thể tỏ ngộ, mới có thể nêu bày, nên kinh viết: Khéo thâm giữ các Đại Bồ-tát bậc nhất. Nghĩa là các Bồ-tát đã thành thực đối với thời gian Phật chứng đắc Chánh giác,

chuyển pháp luân, dùng năm thứ nghĩa hợp với pháp Bồ-tát mà kiến lập. Các Bồ-tát có bảy thứ lớn:

Ở đây là chúng sinh lớn nên gọi là Ma-ha Tát-đóa.

Những gì là 7 thứ lớn? Đó là:

1. Pháp lớn.
2. Tâm lớn.
3. Tin hiểu lớn.
4. Tâm tịnh lớn.
5. Tư lương lớn.
6. Thời lớn.
7. Quả báo lớn.

Như trong phần Bồ-tát Địa Trì đã nói.

Nơi trụ xứ của các Bồ-tát, thế nào là khéo thâm giữ? Thế nào là bậc nhất? Lợi lạc tương ưng là khéo thâm giữ. Bậc nhất có sáu thứ, nên biết:

1. Thời.
2. Sai biệt.
3. Cao lớn.
4. Kiên cố.
5. Hiện bày khắp.
6. Dị tướng.

+ Thế nào là thời? Là pháp hiện thấy và vị lai. Bồ-tát kia khéo gồm thâm hợp với lạc, là pháp hiện thấy. Lợi là vị lai.

+ Thế nào là sai biệt? Là đối với Tam-muội của thế gian cùng các bậc Thánh xuất thế như Thanh-văn, Độc-giác, trong sự khéo gồm thâu có sai biệt.

+ Thế nào là cao lớn? Tức sự khéo gồm thâu này là vô thượng.

+ Thế nào là kiên cố? Nghĩa là rốt ráo.

+ Thế nào là hiện bày khắp? Là tự nhiên ở nơi thân mình, người, khéo thâu giữ.

+ Thế nào là dị tướng? Là ở trong chốn các Bồ-tát chưa tịnh, khéo thâu giữ là hơn hết.

Kinh nói: Phó chúc bậc nhất: Là các Bồ-tát đã được khéo thâu giữ, đối với lúc Phật Bát-Niết-bàn, cũng dùng năm nghĩa ấy để kiến lập như thế.

Thế nào là phó chúc bậc nhất? Có 6 thứ nhân duyên:

1. Nhập xứ.

2. Được pháp như thế.

3. Chuyển giáo.

4. Không lỗi.

5. Bi.

6. Tôn trọng.

+ Thế nào là nhập xứ? Là ở nơi trụ xứ của Thiện hữu khéo phó chúc.

+ Thế nào là được pháp như thế? Là các Bồ-tát đã được khéo thâu giữ, ở chỗ kẻ khác cũng khéo thâu giữ pháp như thế.

+ Thế nào là chuyển giáo? Tức là các vị ấy đối với các Bồ-tát khác phải nên khéo thâu giữ. Đó gọi là chuyển giáo.

+ Ba thứ ấy theo như thứ lớp, tức là không lỗi, cùng bi và tôn trọng đều có thể nhận biết.

Hai thứ khéo thủ giữ và phó chúc này là hiển bày về Nghĩa cú thứ nhất: Chúng tánh không đoạn.

* Kinh viết: “Thế Tôn! Bồ-tát ở trong Đại thừa, phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng, thì nên trụ như thế nào, nên tu hành như thế nào, làm sao để hàng phục tâm mình?”

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Lành thay! Lành thay! Này Tu-bồ-đề! Như Tôn giả đã nói, Như Lai đã khéo hộ niệm các Bồ-tát, khéo phó chúc các Bồ-tát. Tôn giả nay nên lắng nghe, Ta sẽ vì Tôn giả mà giảng nói. Như Bồ-tát ở trong Đại thừa phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng, thì nên trụ, nên tu hành, nên hàng phục tâm mình như thế.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa: Thế Tôn! Con mong muốn được nghe”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Nghĩa cú thứ hai: Phát khởi hành tướng. Do đâu Thượng tọa Tu-bồ-đề thưa hỏi? Có 6 nhân duyên:

1. Vì đoạn trừ nghi.
2. Vì phát khởi tin hiểu.
3. Vì hội nhập nghĩa thâm diệu.
4. Vì không thối chuyển.
5. Vì sinh hoan hỷ.
6. Vì khiến cho chánh pháp trụ lâu. Cũng tức là Bát-nhã Ba-la-mật khiến cho Phật chúng không đoạn.

Thế nào là do đây khiến Phật chúng không đoạn? Tức nếu có người nghi, liền được dứt. Các Bồ-tát vui thích với phước đức, nhưng tâm chưa thành thực, nghe có nhiều phước đức, nên đối với Bát-nhã Ba-la-mật dấy khởi tin hiểu. Người tâm đã thành thực thì hội nhập nghĩa thâm diệu. Người đã được không còn bị khinh khi, do tham thọ trì tu hành, có nhiều công đức nên không còn thối chuyển. Người đã được thuận thủ giữ cùng tâm tịnh, ở nơi pháp tự nhập và thấy sinh hoan hỷ, có thể khiến cho nơi đời vị lai, giáo pháp Đại thừa được trụ lâu dài.

Nếu lược nói, thì kẻ nghi khiến thấy rõ. Các Bồ-tát vui thích phước đức cùng đã thành thực thì được thâm nhận. Đã được không còn bị khinh khi thì tâm tâm tinh tấn. Người đã được tâm tịnh thì khiến hoan hỷ.

Kinh viết: Nên trụ như thế nào? Nghĩa là dục nguyện. Nên tu hành: Là tương ưng nơi Tam-muội. Nên hàng phục tâm: Là điều phục sự tán loạn.

Ở đây: Dục là đang cầu. Nguyện là vì chỗ cầu nên khởi tâm tư niệm.

Tương ưng nơi Tam-muội: Là Tam-muội không phân biệt.

Điều phục sự tán loạn: Là nếu tâm chánh định kia tán động thì chế ngự, khiến trở lại an trụ.

Câu thứ nhất là hiển bày về thâm giữ đạo. Câu thứ hai là hiển bày về thành tựu đạo. Câu thứ ba là hiển bày về đạo không lỗi.

Do đâu chỉ hỏi về việc phát khởi hành Bồ-tát thừa? Vì ba thứ Bồ-đề có sai biệt. Do khéo thưa hỏi, nên đối với Thượng tọa Tu-bồ-đề đáng được khen là: Lành thay!

* Kinh viết: “Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Các Bồ-tát nên sinh tâm như vậy: Tất cả chúng sinh hiện có, thuộc về các loài, hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ thai, hoặc sinh từ sự ẩm thấp, hoặc hóa sinh. Hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc phi có tướng phi không tướng, hết thảy giới chúng sinh ấy, Ta đều khiến nhập nơi Niết-bàn vô dư mà được giải thoát. Hóa độ khiến đạt đến giải thoát vô lượng vô biên chúng sinh như thế, nhưng thật không có chúng sinh được diệt độ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu Bồ-tát còn có tướng chúng sinh, tức chẳng phải là Bồ-tát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu Bồ-tát còn khởi tướng chúng sinh, tướng người, tướng thọ giả, thì không gọi là Bồ-tát”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Nghĩa cú thứ ba: Nêu trụ xứ của hành. Đến hết cuối kinh, có 18 môn, như trước đã nói đủ.

Ở đây, phần Trụ xứ thứ nhất: Nêu rõ về phát tâm.

Kinh viết: Chúng sinh hiện có thuộc về các loài: Là nói về tướng chung.

+ Hoặc sinh từ trứng v.v...: Là nói về sai biệt.

Lại, thọ sinh, nương dựa, cảnh giới được gồm thâu có sai biệt, nên biết.

+ Sinh từ trứng cho đến hóa sinh: Là nói về thọ sinh có sai biệt.

+ Hoặc có sắc, hoặc vô sắc: Là nói về nương dựa có sai biệt.

+ Hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc phi có tướng phi không tướng: Là nói về cảnh giới được gồm thâu có sai biệt.

+ Cảnh giới chúng sinh hiện có, thuộc về chúng sinh: Nghĩa là các thứ loại tướng ở trên, trụ nơi cảnh giới chúng sinh, Đức Phật nêu đặt để thuyết giảng.

+ Ta đều khiến nhập nơi Niết-bàn vô dư: Do đâu nguyên này, về nghĩa không thể đạt được? Do thuộc về sinh, nên không có lỗi. Do đều là sinh, như đã nói các loài sinh, như sinh từ trứng v.v... đều nhập nơi nguyên số. Các loài sinh từ trứng, sinh từ sự ẩm thấp kia đều là không tướng, cùng phi có tướng phi không tướng, tức không thể. Vì sao có thể khiến cho hết thấy chúng sinh nhập Niết-bàn? Có 3 nhân duyên:

1. Sinh nơi xứ nạn: Là được thời.

2. Sinh nơi xứ không nạn: Chưa thành thực thì khiến thành thực.

3. Đã thành thực rồi thì khiến giải thoát.

Vì sao nói giới Niết-bàn vô dư mà không nêu trực tiếp về Niết-bàn? Nếu như thế thì so với điều Đức Thế Tôn đã nói về Niết-bàn phương tiện như sơ thiên v.v... là không khác. Kẻ kia tự dùng sức trượng phu, nên không có Phật cũng đạt được, song không rốt ráo.

Do đâu không nói giới Niết-bàn hữu dư? Vì quả chung kia, tự cho là từ túc nghiệp. Lại gặp Phật nêu giảng mà được quả. Lại, không phải thân hoàn toàn khổ là hữu dư. Như vậy, Niết-bàn cùng Niết-bàn hữu dư, là quả của sức trượng phu, là quả chung, không phải là quả cứu cánh, không phải là quả hoàn toàn. Thế nên nói vô dư.

+ Như thế, vô lượng chúng sinh nhập Niết-bàn rồi: Là hiển bày các loài sinh như sinh từ trứng v.v... mỗi mỗi loài là vô lượng.

+ Không có chúng sinh nào được Niết-bàn: Đây là có nghĩa gì? Như Bồ-tát tự chứng đắc Niết-bàn, không khác với chúng sinh. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh, tức chẳng phải là Bồ-tát. Đây lại có nghĩa gì?

Nếu Bồ-tát ở nơi chỗ các chúng sinh, có tướng khác chuyển, không phải tướng của tự thể, thì không gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát khởi tướng chúng sinh, tướng người, tướng thọ giả, tức không gọi là Bồ-tát. Ở đây lại có nghĩa gì?

Nếu dùng phiền não giữ lấy tướng chúng sinh, thọ mạng, người cùng chuyển, tức có tướng ngã, cùng ở trong chúng sinh có tướng chúng sinh cùng chuyển. Bồ-tát trong trường hợp này không chuyển là do đã đoạn trừ ngã kiến, nên được tự hành (hành của năm âm) nơi tướng bình đẳng, nên tin hiểu về tự tha bình đẳng. Bồ-tát kia không chấp giữ nơi kiến của chúng sinh, mạng, người: Đây là nghĩa đã được nói đến.

Lại nữa, kinh nói: Các Bồ-tát nên sinh tâm như thế: Là hiển thị Bồ-tát nên trụ như thế hợp với dục nguyện.

Nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh, tức chẳng phải là Bồ-tát: Đây là hiển bày nên tu hành như thế, hợp với lúc Tam-muội tương ưng.

Nếu Bồ-tát khởi tướng chúng sinh, tướng người, tướng thọ giả, thì không gọi là Bồ-tát: Đây là hiển thị nên hàng phục tâm như thế hợp với lúc thâm giữ sự tán loạn. Như lúc Bồ-tát hành Tam-muội tương ưng bị tán động, tướng chúng sinh cũng không cùng chuyển, như nơi cánh giới kia cùng trụ. Thế nên không có chúng sinh đắc Niết-bàn: Đây là thành tựu được dục nguyện kia. Thâm giữ các trụ xứ là tối thắng. Hành tướng tương ưng ấy, lúc hành các trụ xứ khác, nương dựa nơi dục nguyện, quyết định là đạt được. Nghĩa của dục nguyện này không giải thích nữa.

* Kinh viết: “Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí. Không chỗ trụ để hành bố thí. Không trụ nơi sắc để bố thí. Không trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên bố thí như thế, tức không trụ nơi tướng tướng. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát không trụ nơi tướng để bố thí, thì tự phước đức là không thể lường xét.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Hư không ở phương Đông có thể lường xét chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Phật bảo: Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Hư không nơi các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng cùng hai phương trên dưới, là có thể lường xét chăng? Tu-bồ-đề thưa:

Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Phật bảo: Đúng thế! Đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không trụ nơi tướng để bố thí thì tụ phước đức cũng lại như vậy, là không thể lường tính.

Đức Phật lại bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát chỉ nên hành bố thí như thế”.

* Luận nêu: Nơi đoạn này trở xuống là Trụ xứ thứ hai: Nói về hành Ba-la-mật tương ưng. Từ đây về sau, trong các trụ xứ còn lại, nên biết có 5 thứ theo chỗ tương ưng mà giải thích:

1. Dựa nơi nghĩa.
2. Nói về tướng.
3. Thâu giữ.
4. An lập.
5. Hiện hiện.

Trụ xứ đối trị là dựa nơi nghĩa. Tức trụ xứ kia là nói về tướng. Dục nguyện là thâu giữ. Trụ xứ đệ nhất nghĩa là an lập. Tương ưng nơi Tam-muội cùng thâu tóm tâm tán động là hiện hiện.

Ở trong trụ xứ Ba-la-mật thanh tịnh, kinh nói: Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí: Đây là dựa nơi nghĩa, hiển thị việc đối trị trụ chấp.

Kinh viết: Nên hành bố thí: Đây là nói về tướng.

Sáu Ba-la-mật ấy được gồm thâu nơi thể tánh của tất cả bố thí. Bố thí có 3 loại:

1. Tư sinh thí (Tài thí): Nghĩa là Bố thí Ba-la-mật.
2. Vô úy thí: Là Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật.
3. Pháp thí: Là Tinh tấn Ba-la-mật, Thiên na Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật.

Nếu người thọ nhận pháp không tinh tấn, thì khi thực hiện việc thuyết pháp sẽ mệt mỏi, không thể thuyết pháp. Nếu không thiên định, tức sẽ tham chấp nơi sự tin kính, cúng dường, cùng không thể nhẫn chịu sự bức náo của lạnh nóng, tức thuyết pháp với tâm nhiễm. Nếu không trí tuệ thì sẽ thuyết pháp

điên đảo, có nhiều lỗi lầm. Luôn gắn liền với ba thứ ấy (Tinh tấn, Thiên định, Trí tuệ) để có thể thành tựu pháp thí.

Các Ba-la-mật ấy có hai thứ quả: Vị lai và hiện tại.

Quả vị lai: Là Bồ thí Ba-la-mật được phước báo lớn. Trì giới Ba-la-mật được tự thân đầy đủ, tức như Thích, Phạm. Nhẫn nhục Ba-la-mật thì được nhiều bạn bè hỗ trợ, quyến thuộc đông đúc. Tinh tấn Ba-la-mật thì được các thứ quả báo không đoan dứt. Thiên na Ba-la-mật thì được sinh thân không thể tổn hoại. Trí tuệ Ba-la-mật thì được các căn mạnh mẽ, nhạy bén cùng nhiều vui thích, ở trong đời chúng luôn được tự tại.

Quả hiện tại: Là được tất cả tin kính, cúng dường, cùng Niết-bàn hiện pháp.

Ở đây, nếu Bồ-tát vì cầu quả vị lai nên hành thí, là trụ nơi sự để hành thí, như vật được thí trở lại được quả là vật ấy. Thế nên kinh nói: Không trụ nơi sự để hành bố thí.

Nếu cầu quả vị lai như trì giới v.v..., nên hành thí, là có chỗ trụ để hành thí, nên kinh viết: Nên không chỗ trụ để hành thí. Quả của trì giới có rất nhiều, không thể phân biệt, nên gọi chung là có chỗ trụ.

Nếu cầu quả hiện tại là được tin kính, cúng dường để hành thí, là trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc để hành thí, nên kinh viết: Không trụ nơi sắc v.v...

Nếu vì cầu Niết-bàn hiện pháp nên hành thí, là trụ nơi pháp để hành thí, nên kinh viết: Không trụ nơi pháp để hành bố thí.

Lại, kinh nói: Nên hành bố thí: Tức nói về thân giữ thí nơi dục nguyện.

Kinh nói: Không trụ nơi hành thí: Tức không trụ ấy là an lập đệ nhất nghĩa. Ở đây, do không trụ nên hiển bày như sự hiện có nơi đệ nhất nghĩa, vì không trụ nơi vật v.v... là sự hiện có.

Kinh viết: Bồ-tát nên hành thí như thế, tức không trụ nơi tướng, tướng: Đây là hiển thị, tức tương ưng nơi Tam-muội cùng thân giữ tâm tán động, là ở nơi hai thời gian ấy, chẳng trụ vào tướng, tướng.

Như thế là đã kiến lập không trụ rồi, hoặc có Bồ-tát do tham vương nơi phước đức, nên đối với điều ấy không thể kham nhận. Nhằm khiến cho các Bồ-tát gắng sức nhận lấy, nên Đức Thế Tôn đã hiển thị: Hành thí không trụ

nơi tướng thì tụ phước là hết sức nhiều cũng như hư không. Có 3 nhân duyên:

1. Hiện bày khắp tất cả xứ. Nghĩa là ở trong tướng trụ, chẳng trụ, phước sinh khởi.
2. Rộng khắp, cao lớn, thù thắng.
3. Vô tận, là rốt ráo không cùng.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai chăng? Tôn giả Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Không thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai. Vì sao? Vì Đức Như Lai đã nói tướng tức là phi tướng (hư vọng). Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Phạm mọi tướng hiện có đều là vọng ngữ. Nếu thấy các tướng là phi tướng tức không vọng ngữ (hư vọng). Các tướng như thế là phi tướng, tức thấy Như Lai”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ ba: Muốn đạt được Sắc thân.

Kinh nói: Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai chăng?: Đây là dựa nơi nghĩa. Hiện thị nên như sự đối trị về mạn nơi sắc thân Như Lai.

Kinh nói: Tướng thành tựu: Đây là nói về tướng, hiện thị về sắc thân của Như Lai.

Thượng tọa Tu-bồ-đề nói không phải: Là thành tựu đủ nghĩa ấy.

Đức Thế Tôn nói: Này Tu-bồ-đề! Phạm các tướng hiện có đều là vọng ngữ: Tức hiển bày về dục nguyện. Ở trong nghĩa như thế nên thâm giữ, cùng tức là an lập đệ nhất nghĩa. Nơi đệ nhất nghĩa, tướng thành tựu là hư vọng, phi tướng thành tựu là không hư vọng. Kinh viết: Như thế các tướng là phi tướng, tức thấy Như Lai: Đây là hiển hiện. Nghĩa là tương ứng nơi Tam-muội, cùng lúc thâm giữ tâm tán động. Ở trong tướng kia, phi tướng là thấy.

* Kinh viết: “Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Như có chúng sinh nơi đời sau cùng của đời vị lai, được nghe chương cú của kinh như thế, có sinh khởi thật tướng chăng?”

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Tôn giả chớ nói như vậy! Chớ nói là nếu có chúng sinh nơi đời sau cùng của đời vị lai, được nghe chương cú của kinh như thế, có sinh khởi thật tướng chẳng! Đức Phật lại bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Nơi đời sau cùng của đời vị lai, lúc chánh pháp sắp bị hủy diệt, có các Đại Bồ-tát là những người có trí giới, tu phước đức, trí tuệ, đối với chương cú của kinh này, có thể sinh tâm tin tưởng, cho đó là thật, nên biết các Đại Bồ-tát ấy, không phải đã ở nơi trú xứ của một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật tu hành, cúng dường, gieo trồng thiện căn, mà đã ở nơi trú xứ của vô lượng ngàn vạn chư Phật tu hành, cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn chư Phật, đã gieo trồng các thiện căn, nghe kinh này, cho đến trong một niệm có thể sinh tịnh tín. Nay Tu-bồ-đề! Như Lai đều nhận biết các chúng sinh ấy. Như Lai đều thấy rõ các chúng sinh ấy. Nay Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát đó, sinh vô lượng tụ phước đức như thế, nhận lấy vô lượng phước đức như thế. Vì sao? Vì các Bồ-tát đó không còn tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng người, tướng thọ giả. Nay Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát ấy, không có tướng pháp, cũng không phải không có tướng pháp, không tướng cũng không phải là không tướng. Vì sao? Nay Tu-bồ-đề! Vì các Bồ-tát ấy, nếu chấp giữ nơi tướng pháp, tức là chấp trước nơi ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nay Tu-bồ-đề! Nếu các Bồ-tát ấy, có tướng pháp, tức là chấp nơi tướng ngã, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Vì không nên chấp giữ pháp, chẳng phải là không chấp giữ pháp. Do nghĩa ấy, nên Như Lai thường nói: pháp môn dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ huống chi là phi pháp”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ tư: Muốn đạt được Pháp thân. Ở đây có 2 loại Pháp thân:

1. Pháp thân ngôn thuyết.
2. Pháp thân chứng đắc.

Vì muốn đạt được Pháp thân ngôn thuyết, nên kinh viết: Thế Tôn! Như có chúng sinh nơi đời sau cùng của đời vị lai, được nghe chương cú của kinh như thế v.v...

Trong ấy, chương cú của kinh: Tức là về nghĩa hiện có, nên biết. Thế nào là cú? Như trên đã nói về bảy thứ nghĩa cú.

Ở nơi nghĩa tướng không điên đảo, đó là thật tướng. Nên biết, như ngôn thuyết chấp giữ nghĩa, thì đây không phải là thật tướng. Thượng tọa Tu-bồ-đề khởi suy niệm: Nơi đời vị lai không có người sinh khởi thật tướng. Vì nhằm ngăn chặn điều ấy, nên Đức Thế Tôn nói có lúc chánh pháp sắp bị diệt

hoại: Nghĩa là sự tu hành dần diệt. Nên biết là tiếp theo sau, Đức Thế Tôn vì nghĩa như thế, nên đã hiển thị 5 thứ:

1. Hiển thị về tu hành.
2. Hiển thị về tập nhân.
3. Hiển thị về Thiện hữu thân nhận.
4. Hiển thị về sự thâm giữ phước đức tương ưng.
5. Hiển thị về việc sẽ đạt được tướng thật trong tướng thật.

Kinh nói: Có bậc trí giới, tu phước đức trí tuệ: Đây là ba học như giới, tăng thượng v.v... Là hiển thị về công đức tu hành, công đức như thiểu dục v.v... là đứng đầu, cho đến chánh định v.v...

Kinh viết: Đã được cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, cho đến nhất tâm tịnh tín v.v...: Đây là hiển thị về tập nhân. Nhất tâm tịnh tín hãy còn được như thế, hướng chi là sinh tướng thật.

Kinh nói: Như Lai đều biết, đều thấy các chúng sinh ấy: Đây là hiển thị về Thiện hữu đã thâm nhận.

Biết: Là nhận biết về danh thân.

Thấy: Là thấy rõ về sắc thân. Nghĩa là trong tất cả hành trụ đã tạo tác, đã nhận biết về tâm, thấy rõ về chỗ nương dựa.

Kinh viết: Sinh, nhận lấy vô lượng tụ phước: Đây là hiển thị về sự thâm giữ phước đức.

Sinh là lúc phước đang dấy khởi.

Nhận lấy là lúc phước kia diệt, thâm giữ chủng tử.

Kinh viết: Các Bồ-tát ấy, không còn tướng ngã, tướng chúng sinh, cho đến: Nếu các Bồ-tát có tướng pháp, tức chấp trước nơi tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả: Đây là hiển thị về tướng thật, đối trị 5 thứ chấp giữ tà vạy. Những gì là 5 thứ chấp giữ tà vạy? Đó là:

1. Ngoại đạo.

2. Phàm phu và Thanh-văn của nội pháp.

3. Bồ-tát tăng thượng mạn.

4. Định cùng tướng của thế gian.

5. Định vô tướng.

+ Loại thứ nhất: Là tướng như ngã v.v... cùng chuyển.

+ Loại thứ hai: Là tướng pháp cùng chuyển.

+ Loại thứ ba: Là tướng không tịnh cùng chuyển. Ở đây cũng có chấp giữ pháp. Có chấp giữ pháp: Là chấp giữ pháp không.

+ Loại thứ tư: Là có tướng cùng chuyển.

+ Loại thứ năm: Là không tướng cùng chuyển.

Các Bồ-tát ấy, đối với năm thứ này đều không cùng chuyển.

Ở đây hiển bày rõ là có giới, cho đến sẽ sinh vô lượng tụ phước. Kinh nói: Vì sao? Tức ở đây nói là trong sự chấp giữ tà vạy chỉ có tướng pháp và tướng phi pháp cùng chuyển, không phải là tướng như ngã v.v...? Do tướng ngã cùng sự nương dựa không cùng chuyển. Nhưng ở trong tướng ngã, tùy miên không đoạn, tức là có ngã chấp giữ. Do đó, kinh viết: Các Bồ-tát này, nếu chấp giữ tướng pháp, tức là chấp trước nơi sự chấp giữ như ngã v.v... Nếu không có tướng pháp cùng chuyển. Nếu có tướng không pháp cùng chuyển, tức là có ngã chấp giữ. Trong tướng ngã cùng chuyển này, các nghĩa khác cũng chưa nói.

Kinh viết: Nếu các Bồ-tát ấy có tướng pháp, tức chấp trước nơi ngã v.v...: Ở đây, chấp giữ về tự thể nối tiếp là tướng ngã. Đối tượng được chấp giữ của ngã là tướng chúng sinh. Nghĩa là ngã cho đến thọ mạng trụ được chấp giữ là tướng mạng. Lần lượt chấp giữ các nẻo khác, thì sự chấp giữ ấy là tướng nhân. Nên biết ở đây nói sẽ sinh tướng thật: Đây là dựa nơi nghĩa, nên biết là hiển bày sự đối trị tướng không thật.

Nói ở trong chương cú của kinh này đã nêu bày: Đây là nói về tướng, hiển thị về Pháp thân ngôn thuyết. Tức trong tướng thật sẽ sinh kia nói sẽ sinh, thế nên nguyện thâm giữ.

Các Bồ-tát này không còn tướng ngã cùng chuyển: Là an lập đệ nhất nghĩa.

Tu-bồ-đề! Không nên chấp giữ pháp, không phải là không chấp giữ pháp: Là hiển bày đầy đủ: Tức Tam-muội tương ưng cùng với lúc tâm tán động, không nên chấp giữ pháp. Đối với thể của pháp và pháp vô ngã đều không phân biệt.

Lại, nghĩa chính yếu của Pháp thân ngôn thuyết, như kinh nói: Do nghĩa ấy, nên Như Lai thường nói, pháp môn dụ như chiếc bè, nếu hiểu rõ điều ấy, thì pháp hãy còn nên bỏ, hướng chi là phi pháp.

Pháp hãy còn nên bỏ, là tướng thật sinh. Hướng chi là phi pháp: Là lý không nên. Lược nói là hiển bày, Bồ-tát muốn đạt được Pháp thân ngôn thuyết thì không nên tạo tướng không thật.

* Kinh viết: “Lại nữa, Đức Phật bảo Huệ mạng Tu-bồ-đề: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chẳng? Như Lai đã có thuyết pháp chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Như con hiểu nghĩa Phật đã nói thì không có pháp cố định để Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cũng không có pháp cố định để Như Lai có thể thuyết giảng. Vì sao? Vì Như Lai đã nói là pháp không thể giữ lấy, không thể nêu bày, là phi pháp, phi phi pháp. Vì sao? Vì tất cả Thánh nhân đều do pháp vô vi mà được gọi là Thánh nhân”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là nói về Pháp thân chứng đắc. Lại có 2 loại:

1. Pháp thân trí tướng.

2. Pháp thân phước tướng.

Vì muốn đạt được trụ xứ của Pháp thân chứng đắc trí tướng nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chẳng? Đây là dựa nơi nghĩa, hiển thị ngược trở lại đối với chánh giác về Bồ-đề được nhận lấy.

Thuyết pháp là thuộc về chánh giác, nên kinh viết: Có pháp, có thể nêu giảng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác: Đó là nói về tướng, hiển thị Pháp thân chứng đắc, nên không có pháp cố định.

Thượng tọa Tu-bồ-đề nói theo ý của Đức Phật. Là thế để nên có Bồ-đề cùng chứng đắc. Đó là dục nguyện đã thâm giữ do phương tiện, nên cả hai cùng là

có. Nếu như ý của Đức Thế Tôn nói, là cả hai cùng không có. Vì hiển thị điều ấy, nên kinh viết: Như con hiểu nghĩa của Đức Thế Tôn đã nói v.v...

Lại, kinh nói: Vì sao? Vì Như Lai đã nói pháp là không thể giữ lấy, không thể nêu bày, là phi pháp, phi phi pháp: Đây là an lập đệ nhất nghĩa. Do nói pháp, nên biết là đạt được Bồ-đề, nên ở trong sự thuyết pháp, an lập đệ nhất nghĩa.

Ở đây, không thể giữ lấy: Là lúc đang nghe. Không thể nêu bày: Là lúc diễn nói. Phi pháp: Là tánh phân biệt. Phi phi pháp: Là pháp vô ngã.

Kinh viết: Vì sao? Do vô vi nên được gọi là Thánh nhân?

Vô vi: Là nghĩa không phân biệt, thế nên Bồ-tát hữu học được mang tên. Trong không khởi, không tạo, Như Lai chuyển y (Bồ-đề và Niết-bàn) gọi là thanh tịnh, do đó Như Lai vô học (Tu học hoàn tất) được mang tên.

Ở đây, thứ nhất là nghĩa của vô vi: Tam-muội tương ưng cùng với lúc điều phục tâm tán loạn, đã hiển bày đầy đủ.

Thứ hai là vô vi chỉ là đệ nhất nghĩa: Là vô thượng giác.

Từ đây trở về sau, trong tất cả trụ xứ đều hiển bày, do vô vi nên được gọi là Thánh nhân. Nên biết trong các trụ xứ trước, chưa nói về vô vi được mang tên. Ở đây, trong đạo quả Chánh đẳng Chánh giác, nói về vô vi đã xong.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Nếu đem bảy thứ báu đây khắp trong Tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, thì thiện nam, thiện nữ đã hành thí như thế, phước đức đạt được là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều, bạch Đức Thiện Thế! Các thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức rất là nhiều. Vì sao? Vì như Đức Thế Tôn nói: Tụ phước đức ấy tức phi tụ phước đức, thế nên Đức Như Lai nói là tụ phước đức. Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Nếu lại có người đối với kinh này thọ trì, cho đến chỉ một bài kệ bốn câu, vì người khác thuyết giảng thì phước đức người này có được hơn hẳn trường hợp trước là vô lượng không thể tính kể. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì pháp thuộc đạo quả Bồ-đề Vô thượng của tất cả chư Phật, đều từ kinh này sinh ra. Hết thầy chư Phật Như Lai đều từ kinh này xuất sinh.

Này Tu-bồ-đề! Gọi là Phật pháp, tức phi Phật pháp, đó gọi là Phật pháp”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là nói về Pháp thân phước tướng. Vì muốn đạt được trụ xứ của Pháp thân chứng đắc phước tướng, nên kinh nói: Ý của Tôn giả thế nào? Nếu có người đem bảy thứ báu đầy khắp trong Tam thiên đại thiên thế giới để hành bố thí v.v...: Vì sao hiển thị, tức nơi Pháp thân ngôn thuyết hiện có kia, đã xuất sinh Pháp thân chứng đắc phước tướng của Như Lai? Nơi trường hợp đã nêu, cho đến chỉ thuyết giảng một bài kệ bốn câu, đã sinh phước đức rất là nhiều, huống chi lại là Pháp thân chứng đắc phước tướng hiện có của Như Lai. Do nhân duyên nào, nên ở trong Pháp thân ngôn thuyết, giảng nói một bài kệ bốn câu như thế, có thể sinh rất nhiều phước? Vì nhằm thành tựu nghĩa này, nên kinh nói: Vì sao? Vì Như Lai và đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đều từ kinh này sinh ra. Ở đây, tập hợp khắp mười pháp hành A-hàm, nên chư Phật Thế Tôn từ đây xuất sinh: Vì là thế đế, nên nói Phật xuất sinh, do đây có Bồ-đề. Tức hai thứ này cùng có, nên gọi là Phật pháp, là do Bồ-đề và Phật. Nên kinh nói: Tu-bồ-đề! Phật pháp tức là phi Phật pháp v.v... Lại nữa, kinh viết: Về chỗ sinh phước là hơn hẳn trường hợp trước vô lượng A-tăng-kỳ: Đây là dựa nơi nghĩa, hiển thị việc đối trị phước chẳng sinh.

Ở đây, phước kia: Là nói về tướng, hiển bày về Pháp thân phước tướng.

Hơn hẳn trường hợp trước: Là hiển thị dục nguyện đã thâm giữ.

Kinh nói: Thế Tôn! Tụ phước ấy tức phi tụ phước, thế nên Như Lai nói là tụ phước. Cùng nói: Đây Tu-bồ-đề! Phật pháp, Phật pháp ấy tức phi Phật pháp, đó gọi là Phật pháp: Do tụ phước này cùng với Phật pháp là thâm giữ lấy phước tướng của Như Lai, nên trong Pháp thân, an lập đệ nhất nghĩa. Vì thuận theo vô vi nên được mang tên, tức tương ứng Tam-muội cùng với việc điều phục tâm tán động không còn hiển bày rõ.

Nói: Hết sức nhiều, bạch Đức Bà-già-bà! Rất là nhiều, bạch Đức Tu-già-đà! Hai lời ấy là hiển thị về thâm tóm tâm, giữ lấy tâm. Do thâm giữ tự tâm nên nói là thọ trì. Vì kẻ khác thuyết giảng là giải thích về cú vị. Vô lượng: Là vượt quá thí dụ. A-tăng-kỳ: Là hiển bày về số lượng nhiều.

Đã nói về Trụ xứ mong muốn xong.

HẾT - QUYỂN 1

---o0o---

LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

QUYỂN 2

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Vị Tu-đà-hoàn có thể khởi niệm: Ta đã đắc quả Tu-đà-hoàn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp gọi là Tu-đà-hoàn. Không nhập nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là Tu-đà-hoàn.

Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Vị Tu-đà-hàm có thể khởi niệm: Ta đã đắc quả Tu-đà-hàm chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp gọi là Tu-đà-hàm, đó gọi là Tu-đà-hàm.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Vị A-na-hàm có thể khởi niệm: Ta đã đắc quả A-na-hàm chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp gọi là A-na-hàm, đó gọi là A-na-hàm.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Vị A-la-hán có thể khởi niệm: Ta đã đắc quả A-la-hán chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp gọi là A-la-hán. Thế Tôn! Nếu vị A-la-hán khởi niệm: Ta đã chứng đắc A-la-hán, tức là chấp trước nơi ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Thế Tôn! Phật nói con là vị đạt được Tam-muội vô tránh bậc nhất. Đức Thế Tôn nói con là A-la-hán lìa dục. Thế Tôn! Con không khởi niệm: Ta là A-la-hán lìa dục. Thế Tôn! Nếu con khởi niệm: Ta chứng đắc A-la-hán thì Đức Thế Tôn tức không ghi nhận con là người hành vô tránh bậc nhất. Do Tu-bồ-đề thật sự không chỗ hành nên gọi là Tu-bồ-đề hành vô tránh”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ năm: Trong tu đạo, đạt được pháp thù thắng, không kiêu mạn.

Như trước đã tóm lược 18 trụ xứ làm 8 thứ trụ xứ, từ trụ xứ này trở xuống gồm 12 thứ được gọi chung là Trụ xứ lìa chướng ngại, có sự đối trị, nên biết.

Những gì là 12 thứ chướng ngại? Đó là:

1. Kiêu mạn.
2. Không mạn nhưng ít hiểu biết.
3. Đa văn nhưng ít duyên hợp tạo niệm để tu đạo.

4. Có duyên hợp tạo niệm tu đạo nhưng bỏ chúng sinh.
5. Không bỏ chúng sinh, nhưng vui thích nẻo tán động của ngoại luận.
6. Tuy không tán động, nhưng trong việc dứt bỏ tướng ảnh tượng, không có phương tiện thiện xảo.
7. Tuy có phương tiện thiện xảo, nhưng tư lương phước không đủ.
8. Tuy tư lương phước có đủ, nhưng ưa thích vị biếng trễ, cùng lợi dưỡng.
9. Dù đã lìa biếng trễ, lợi dưỡng, nhưng không thể nhẫn chịu khổ.
10. Dù có thể nhẫn chịu khổ, nhưng tư lương trí không đủ.
11. Tuy có đủ tư lương trí mà không tự thân giữ.
12. Tuy có thể tự thân giữ mà không chỉ dạy, trao truyền.

Ở đây, vì nhằm lìa kiêu mạn, nên kinh viết: Vị Tu-đà-hoàn có thể khởi niệm: Ta đã đắc quả Tu-đà-hoàn chăng? v.v...: Đây là dựa nơi nghĩa, hiển thị việc đối trị kiêu mạn: Ngã chứng đắc.

Lại nữa, vị Tu-đà-hoàn có thể khởi niệm như thế: Đây là nói về tướng, hiển thị về không mạn, cũng tức là dục nguyện đã thân giữ.

Kinh nói: Thế Tôn! Thật không có pháp..., không nhập nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc: Đây là an lập đệ nhất nghĩa.

Nếu vị Tu-đà-hoàn khởi niệm: Ta đã đắc quả Tu-đà-hoàn, tức là có tướng ngã. Nếu có tướng ngã tức là có mạn. Nên biết như thế, cho đến A-la-hán cũng vậy.

Thượng tọa Tu-bồ-đề tự hiển bày mình là người hành vô tránh bậc nhất, cùng là vị A-la-hán lìa dục, cùng có công đức, do mình đã chứng đắc để khiến tin. Do không có pháp đắc A-la-hán cùng không chôn hành, nên nói hành vô tránh, vô tránh: Ở đây tức là an lập đệ nhất nghĩa.

* Kinh viết: “Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai từ xa xưa, tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng có đắc pháp thuộc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai tại

trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, đối với pháp thật không có đặc pháp thuộc đạo quả Bồ-đề Vô thượng”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ sáu: Không lìa lúc Phật xuất hiện ở đời. Ở trong mười hai thứ chương ngại cần xa lìa, đây là lìa việc ít hiểu biết.

Kinh nói: Như Lai, thời xa xưa, tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, có đặc pháp thuộc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? v.v...: Nghĩa là lúc Đức Phật Nhiên Đăng xuất hiện ở đời, Như Lai lúc ấy đã thừa sự, cúng dường, tức có pháp có thể chấp giữ. Vì để lìa phân biệt ấy, nên phần dựa nơi nghĩa cùng đối trị v.v... đều theo nghĩa tương ưng, nên biết.

* Kinh viết: “Đức Phật nói với Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát khởi niệm này: Ta đã trang nghiêm quốc độ của Phật, thì Bồ-tát ấy không nói thật. Vì sao? Đây Tu-bồ-đề! Như Lai đã nói trang nghiêm cõi Phật, tức phi trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm cõi Phật. Do đó, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát nên sinh tâm thanh tịnh như thế, mà không chỗ trụ. Không trụ nơi sắc để sinh tâm, không trụ nơi thanh hương vị xúc pháp để sinh tâm, nên không chỗ trụ mà sinh tâm”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ bảy: Nguyện làm thanh tịnh cõi Phật. So với mười hai chương ngại cần lìa, đây là lìa ít duyên hợp tạo nên niệm để tu đạo.

Kinh nói: Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát khởi niệm: Ta đã trang nghiêm quốc độ của Phật v.v... Nếu khởi niệm làm nghiêm tịnh cõi nước: Tức ở nơi các sự như sắc v.v... phân biệt, sinh chấp trước nơi vị. Vì nhằm lìa điều ấy, nên kinh viết: Do đó, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát nên sinh tâm thanh tịnh như thế mà không chỗ trụ. Không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v...

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu-di. Theo ý của Tôn giả thì sao? Thân ấy là lớn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Hết sức lớn, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì như Phật nói phi thân, đó gọi là thân lớn. Thân kia là phi thân, đó gọi là thân lớn”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ tám: Thành thực chúng sinh. Đối chiếu với mười hai thứ chương ngại cần lìa, đây lìa lìa: xả bỏ chúng sinh.

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu-di v.v...: Đây là nhằm hiển thị điều gì? Là để thành thực chúng sinh cõi Dục. Vua A-tu-la La-hầu kia, tất cả thân lớn, lượng như núi Tu-di, hãy còn không thể thấy được tự thể, huống chi là các vị khác.

Kinh nói: Như Lai nói là phi thể: Là hiển thị pháp vô ngã. Thể kia là phi thể: Là hiển thị thể của pháp không sinh, không tạo tác. Đây tức hiển bày tự tánh và tướng cùng có sai biệt.

* Kinh viết: “Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Như số lượng cát hiện có trong sông Hằng, số cát như thể lại bằng với số sông Hằng, ý của Tôn giả nghĩ sao? Số lượng cát như thế nơi những con sông Hằng ấy là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Chỉ số lượng những con sông Hằng đó hãy còn là nhiều vô số, huống chi là số cát của chúng.

Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Ta nay dùng lời thật để nói với Tôn giả: Nếu có các thiện nam, thiện nữ, dùng bảy thứ báu đầy khắp trong Hằng hà sa số thế giới như vậy, để dâng thí cho chư Phật Như Lai. Ý của Tôn giả thế nào? Các thiện nam, thiện nữ kia được phước nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ ấy được phước rất nhiều.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu có các thiện nam, thiện nữ, đối với pháp môn này, cho đến chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, vì kẻ khác thuyết giảng, thì phước đức đạt được ở đây hơn hẳn trường hợp trước vô lượng, vô biên.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tùy nơi chốn hiện có để thuyết giảng pháp môn này, cho đến chỉ một bài kệ bốn câu, nên biết nơi chốn ấy, tất cả hàng trời, người, A-tu-la nơi thế gian đều nên cúng dường như Tháp miếu của Phật. Huống chi là có người đều có thể thọ trì đọc tụng kinh này. Tu-bồ-đề nên biết người ấy đã thành tựu pháp hy hữu bậc nhất, tối thượng. Nếu kinh điển này có tại nơi chốn nào, tức nơi chốn ấy là có Phật, hoặc tôn kính như Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Pháp môn này nên gọi là gì, chúng con làm thế nào để phụng trì?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: Pháp môn này gọi là Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, theo danh tự ấy, các vị nên phụng trì. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật tức phi Bát-nhã Ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có thuyết pháp chăng? Tu-bồ-đề thưa: Thế Tôn! Như Lai không có thuyết pháp”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ chín: Xa lìa việc thuận theo nẻo tán động của ngoại luận. So với mười hai thứ chướng ngại cần lìa bỏ, đây là lìa sự vui thích bên ngoài, lìa tán loạn.

Kinh nói 4 thứ nhân duyên để hiển thị pháp này là thù thắng:

1. Thân giữ phước đức.
2. Chư Thiên v.v... cúng dường.
3. Khó hành trì.
4. Khởi niệm về Như Lai v.v...

Kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Như số lượng cát hiện có trong sông Hằng v.v...: Là thân giữ phước đức.

Kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Theo nơi chốn hiện có thuyết giảng pháp môn này v.v...: Là chư Thiên v.v... cúng dường.

Kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nên biết là người ấy đã thành tựu pháp hy hữu bậc nhất, tôi thương v.v...: Là khó hành trì.

Kinh viết: Nếu kinh điển ấy có tại nơi chốn nào v.v...: Là khởi niệm về Như Lai v.v...

Ở đây, giảng nói là vì người khác nêu bày trực tiếp. Trao truyền là chỉ dạy trao truyền cho người khác. Hiển thị pháp đối trị việc ưa thích nẻo tán động của ngoại luận, pháp ấy là thù thắng. Sau đây, ở trong pháp như thế, hoặc khởi theo như ngôn từ chấp nghĩa. Vì nhằm đối trị tội vị lai ấy, kinh viết: Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật tức phi Bát-nhã Ba-la-mật.

Như Bát-nhã Ba-la-mật phi Ba-la-mật, như vậy cũng không có pháp nào khác để Như Lai thuyết giảng. Nhằm hiển bày nghĩa này, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có thuyết pháp chăng?: Đây là hiển thị tự tướng cùng tướng bình đẳng nơi pháp môn đệ nhất nghĩa.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Số lượng vi trần hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Hết sức nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Này Tu-bồ-đề! Các vi trần ấy, Như Lai nói là phi

vi trần, đó gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới tức phi thế giới, đó gọi là thế giới”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ mười: Nêu rõ về Sắc thân cùng Thân chúng sinh, nắm giữ hợp với quán, làm sáng tỏ hành tương ưng. Dựa theo mười hai thứ chướng ngại cần xa lìa, thì đây là lìa tướng ảnh tượng, trong tự tại không có phương tiện thiện xảo.

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Số lượng vi trần hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới v.v...

Sự duyên hợp tác ý kia không có hạn lượng. Bồ-tát luôn ở nơi thế giới duyên hợp, tác ý đề tu tập, nên nói Tam thiên đại thiên thế giới. Ở đây là phá bỏ tướng ảnh tượng của sắc thân, hiển bày 2 thứ phương tiện:

1. Phương tiện tế tác: Như kinh nói: Số lượng vi trần hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới là nhiều chăng?

2. Phương tiện không niệm: Như kinh nói: Các vi trần ấy, Như Lai nói là phi vi trần, đó gọi là vi trần. Vì nhằm phá bỏ tướng ảnh tượng của thân chúng sinh, nên kinh nói: Như Lai nói thế giới là phi thế giới, đó gọi là thế giới. Ở đây, thế giới là hiển bày thế giới của chúng sinh, chỉ do danh thân nên gọi là thế giới của chúng sinh. Phương tiện không niệm về danh thân, tức là điều đã hiển thị. Tướng ảnh tượng kia không nói nữa, là phương tiện tế tác.

* Kinh viết: “Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân để thấy Như Lai chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể! Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì Như Lai nói ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân tức là phi tướng, đó gọi là ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ 11, nêu rõ việc cúng dường hầu cận Như Lai. Dựa theo mười hai thứ chướng ngại cần xa lìa, thì đây là xa lìa tư lương phước không đầy đủ.

Kinh nói: Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân để thấy Như Lai chăng?: Là hiển thị về tư lương phước. Thời gian thân cận cúng dường Như Lai, không nên dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai. Làm thế nào để thấy? Nên thấy Pháp thân đệ nhất nghĩa.

* Kinh viết: “Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, đem thân mạng mình như Hằng hà sa số để bố thí thì phước đức rất là nhiều. Hoặc lại có người ở trong pháp môn này, cho đến chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, vì kẻ khác giảng nói, thì phước đức có được là hết sức nhiều, là vô lượng A-tăng-kỳ.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề, nghe Đức Phật giảng nói về chỗ thâm diệu của kinh này, lãnh hội được nghĩa lý sâu xa, nên cảm động rơi nước mắt. Tôn giả gạt lệ, bạch Phật: Thật là hy hữu, thưa Đức Bà-già-bà! Thật là hy hữu thưa Đức Tu-già-đà! Đức Như Lai đã thuyết giảng pháp môn hết sức thâm diệu như thế! Con từ xưa đến giờ, đã được tuệ nhãn, nhưng chưa từng được nghe pháp môn như vậy. Vì sao? Vì Đức Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật tức phi Bát-nhã Ba-la-mật.

Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, khởi tín tâm thanh tịnh, tức sinh thật tướng, nên biết người ấy đã thành tựu công đức hy hữu bậc nhất.

Thế Tôn! Thật tướng ấy tức là phi tướng, do đấy Như Lai nói là thật tướng. Thế Tôn! Con nay được nghe pháp môn như thế, tin hiểu, thọ trì, không đủ cho là khó. Nếu vào đời vị lai có các chúng sinh, được nghe pháp môn này, tin hiểu, thọ trì, thì người ấy tức là hy hữu bậc nhất. Vì sao? Vì người ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Vì tướng ngã tức là phi tướng. Tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức là phi tướng. Vì sao? Vì lìa tất cả các tướng tức gọi là chư Phật.

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu lại có người được nghe kinh này không hoảng, không hãi, không sợ, nên biết người ấy là hết sức hy hữu. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Ba-la-mật bậc nhất tức phi Ba-la-mật bậc nhất. Như Lai nói Ba-la-mật bậc nhất, thì vô lượng chư Phật cũng nói Ba-la-mật. Đó gọi là Ba-la-mật bậc nhất”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ 12: Xa lìa lợi dưỡng cùng những phiền não bức bách, mệt mỏi, thiếu thốn khiến tinh tấn không khởi cùng thối chuyển. Dựa theo mười hai thứ chướng ngại cần xa lìa, thì đây là xa lìa: ưa thích vị biếng trễ, lợi dưỡng v.v...

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Như có thiện nam, thiện nữ, đem thân mạng nhiều như Hằng hà sa số để bố thí v.v... Ở đây, thân có mệt mỏi, thiếu thốn, tâm có phiền não bức bách, do hai thứ ấy, nên đổi tinh tấn, hoặc thối chuyển, hoặc không phát khởi. Đây là hiển bày về điều gì? Như trường hợp xả bỏ từng ấy thân mạng, thì phước đức tự hiện có không bằng phước đức này.

Thế nào là do một thân chấp trước nơi biếng trễ v.v... mà cho là chương ngại? Do đâu, ở đây Thượng tọa Tu-bồ-đề rơi lệ mà nói: Con chưa từng được nghe pháp môn như thế? Do nghe thắng phước này là hết sức nhiều, vượt hơn đời với trường hợp xả thí vô lượng thân mạng, lại không nói thắng phước khác. Nếu nghe thắng phước như thế, nên phát khởi tinh tấn rồi, hoặc ở trong pháp này, sinh tướng như nghĩa. Vì nhằm lừa dối làm ấy, nên kinh nói: Nếu lại có người được nghe kinh này, khởi tín tâm thanh tịnh, tức sinh thật tướng, nên biết người ấy đã thành tựu công đức hy hữu bậc nhất v.v... Tức ở trong thật tướng như thế. Vì nhằm lừa phân biệt về thật tướng, nên kinh viết: Thật tướng ấy tức là phi tướng v.v... Kinh nói: Con nay được nghe pháp môn như thế, tin hiểu, thọ trì, thật sự là không khó. Nếu vào đời vị lai, có chúng sinh được nghe pháp môn này, tin hiểu thọ trì, thì người ấy tức là hy hữu bậc nhất v.v... Đây là có nghĩa gì? Vì nhằm khiến các Bồ-tát chấp trước nơi vị lợi dưỡng hơn cả biếng trễ, sinh tâm hổ thẹn. Ở nơi đời vị lai, khi chánh pháp bị hủy diệt, hãy còn có Bồ-tát, đối với pháp môn này thọ trì v.v..., không có người v.v... chấp giữ cùng pháp bị chấp giữ. Vì sao các vị, vào thời gian chánh pháp hưng thịnh, lại xa lìa việc tu hành mà không sinh hổ thẹn?

Kinh nói: Người ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả: Là hiển thị không có người chấp giữ. Tướng ngã tức là phi tướng v.v...: Là hiển thị không có pháp bị chấp giữ.

Kinh viết: Vì sao? Vì lừa tất cả các tướng tức gọi là chư Phật: Là hiển thị các Bồ-tát thuận theo tướng học. Chư Phật, Thế Tôn lừa tất cả tướng, do đó chúng ta cũng nên học như vậy.

Những đoạn kinh văn ấy là vì nhằm lừa thôi chuyển nơi tinh tấn nên nói. Ở đây, nói: Hoặc phân biệt, hoặc tin hiểu: Là câu sau giải thích câu trước. Thọ là thọ nhận văn tự. Trì là nắm giữ lấy nghĩa.

Vì nhằm lừa không phát khởi tinh tấn, nên kinh viết: Nếu lại có người được nghe kinh này không hoảng, không sợ, không hãi v.v...: Do hoảng sợ v.v... nên không phát khởi tinh tấn. Ở trong thừa Thanh-văn, Đức Thế Tôn thuyết giảng có pháp cùng có không. Nay, lúc lắng nghe kinh này, nghe nói pháp không có nên hoảng, nghe không chẳng có nên sợ. Vào khi lường xét, đối với hai thứ ấy không có, trong lý không thể tương ưng, nên hãi. Lại có cách giải thích riêng, là ba thứ không có tự tánh, nên biết. Nghĩa là tướng, sinh, đệ nhất nghĩa đều không tự tánh, nên kinh nói: Vì sao? Tu-bồ-đề! Như Lai nói Ba-la-mật bậc nhất tức phi Ba-la-mật bậc nhất: Đây là có nghĩa gì? Lại nói,

thứ hai là sinh xứ hổ thẹn. Nói pháp này thẳng thượng như vậy, các vị không nên phóng dật. Ở đây, do đối với các Ba-la-mật khác là hơn hẳn, nên gọi là Ba-la-mật bậc nhất.

Lại, kinh nói: Như Lai nói Ba-la-mật bậc nhất, thì vô lượng chư Phật cũng nói Ba-la-mật: Đây là hiển thị tất cả chư Phật đồng nói bậc nhất, do đó gọi là bậc nhất.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn nhục Ba-la-mật tức phi Nhẫn nhục Ba-la-mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Ta vào thời xa xưa, bị vua Ca-lợi chặt đứt thân thể, bấy giờ, Ta không có tướng ngã, không có tướng chúng sinh, không có tướng nhân, không có tướng thọ giả, không tướng, cũng phi không tướng. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Ta nơi thời xa xưa, lúc các chi phần nơi thân bị chặt, chém, cắt đứt, nếu có tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả, thì sẽ sinh giận dữ. Này Tu-bồ-đề! Ta lại nghĩ: Về quá khứ, nơi năm trăm đời làm Tiên nhân nhẫn nhục, thì từng ấy đời không có tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả. Thế nên Bồ-tát phải lìa tất cả tướng, để phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì nếu tâm có trụ tức là phi trụ. Không nên trụ nơi sắc để sinh tâm. Không nên trụ nơi thanh hương vị xúc pháp để sinh tâm. Nên ở nơi không chỗ trụ để sinh tâm. Thế nên Phật nói Bồ-tát tâm không trụ nơi sắc để bố thí. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên hành bố thí như vậy.

Tu-bồ-đề thưa: Thế Tôn! Tất cả tướng chúng sinh tức là phi tướng. Vì sao? Vì Như Lai nói, tất cả chúng sinh tức phi chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai là chân ngữ, là thật ngữ, là như ngữ, là bất dị ngữ. Như Lai đã đặc pháp, đã thuyết pháp không thật, không vọng ngữ. Này Tu-bồ-đề! Ví như có người đi vào nơi tối tăm, tức không thấy gì. Nếu Bồ-tát tâm trụ nơi sự mà hành bố thí, cũng lại như thế. Này Tu-bồ-đề! Ví như người có mắt, đêm tối đã hết, ánh sáng mặt trời soi tỏ, tức thấy vô số hình sắc. Nếu Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí, cũng lại như vậy”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ 13: Nêu rõ về nhẫn chịu khổ. Dựa theo mười hai thứ chướng ngại cần xa lìa, thì đây là xa lìa: Không thể nhẫn chịu khổ.

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn nhục Ba-la-mật v.v...: Ở đây có 2:

1. Có thể nhẫn.

2. Lìa không thể nhẫn.

Có thể nhẫn có 3:

a. Như chón có thể nhẫn.

b. Tướng nhẫn.

c. Chủng loại nhẫn.

Trong đó, như chón có thể nhẫn, do tướng gì sinh nơi chón nhẫn. Như nhẫn có sai biệt, hiển thị đối trị, do nhân duyên kia.

Thế nào là có thể nhẫn? Nghĩa là thấu đạt pháp vô ngã.

Thế nào là được hiển thị? Như kinh nói: Như Lai nói Nhẫn nhục Ba-la-mật tức phi Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Thế nào là nên nhận biết tướng nhẫn? Như lúc kẻ khác đối với mình đây khởi điều ác, do không có tướng như ngã v.v..., nên không sinh tướng giận dữ, cũng không ở trong Nhẫn nhục Ba-la-mật sinh khởi tướng có, ở trong phi Ba-la-mật sinh tướng không. Đây là hiển thị điều gì? Kinh nói: Như Ta, vào thời xa xưa, bị vua Ca-lợi cắt, chặt thân thể. Bây giờ, Ta không có các tướng như ngã v.v..., cùng vô tướng cũng phi vô tướng.

Thế nào là chủng loại nhẫn? Cũng có 2 loại:

1. Nhẫn cực khổ.

2. Nhẫn khổ nối tiếp.

Ở đây, thế nào là hiển thị? Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ta vào thời xa xưa, lúc các chi phần bị cắt, chặt đứt, nếu có tướng ngã tức sinh khởi giận dữ.

Thế nào là nhẫn khổ nối tiếp? Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Lại nghĩ về quá khứ, nơi năm trăm đời làm Tiên nhân nhẫn nhục v.v...

Nhân duyên không nhẫn: Có 3 thứ khổ:

1. Khổ vì lưu chuyển.

2. Khổ vì chúng sinh cùng trái nhau.

3. Khổ vì thọ dụng thiếu thốn.

Ở đây, như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Do đó, Bồ-tát nên lìa tất cả tướng để phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng: Đây là hiển thị khổ do lưu chuyển, hẳn là nhân duyên đối trị.

Người phát tâm Bồ-đề, do ba thứ tướng khổ, tức không muốn phát tâm, nên nói phải lìa tất cả tướng.

Ở đây, tất cả tướng: Là hiển bày ba tướng khổ như thế. Nếu chấp trước nơi sắc v.v..., tức ở trong khổ do lưu chuyển sẽ mệt mỏi, tâm Bồ-đề không sinh.

Kinh viết: Không trụ nơi sắc để sinh tâm v.v..., như trước đã nói. Không trụ nơi phi pháp: Nghĩa là không phải pháp vô ngã. Ở trong phi pháp cùng pháp vô ngã, đều không trụ, tức là thành tựu các thứ không trụ kia, nên nói ngăn chặn sự việc khác.

Kinh nói: Nên ở nơi không chỗ trụ để sinh tâm. Vì sao? Vì nếu có tâm trụ tức là phi trụ v.v... Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên hành bố thí như thế, cho đến: Hết thấy chúng sinh tức phi chúng sinh v.v...: Đây là hiển thị việc đối trị chúng sinh cùng trái nhau với khổ hẳn. Tức vì tất cả chúng sinh mà hành xả thí, vì sao nơi trường hợp kia lại sinh giận? Do không thể không có chúng sinh cùng tướng chúng sinh, vì nhân duyên này, nên lúc chúng sinh cùng trái nhau, liền sinh mệt mỏi, tức hiển thị về người vô ngã, pháp vô ngã.

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Như Lai là chân ngữ v.v... Đây là nhằm hiển thị điều gì? Muốn khiến tin nơi Như Lai nên có thể hẳn.

Ở đây, chân ngữ là hiển bày về tướng của thế đế. Thật ngữ là hiển bày về tướng tu hành của thế đế có phiền não và thanh tịnh. Trong đó, thật tức hành này là phiền não, hành này là thanh tịnh.

Như ngữ: Là tướng của đệ nhất nghĩa đế.

Bất dị ngữ: Là tướng tu hành của đệ nhất nghĩa đế, có phiền não và thanh tịnh.

Nói chân ngữ này v.v..., tức đã ở trong đó, như tánh của ngôn thuyết khởi chấp trước. Vì nhằm loại bỏ điều ấy, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Như Lai đã đắc pháp, đã thuyết pháp, lời không thật, không vọng.

Không thật: Là như tánh của ngôn thuyết là không có.

Không vọng: Là không như tự tánh của ngôn thuyết là có.

Kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Ví như có người đi vào nơi tối tăm v.v...: Là hiện thị khổ do thọ dụng thiếu thốn, nhãn là nhân duyên đối trị. Nếu vì quả báo mà bố thí, liền chấp trước nơi sự để hành xả thí, đối với hỷ, đối với dục lạc kia, nếu thọ nhận là không hợp với việc hiểu rõ nẻo xuất ly, cũng như đi vào nơi tối, không biết là mình hướng đến đâu. Các thứ hỷ dục kia cũng như thế. Nếu không chấp nơi sự mà hành bố thí, như người nam có mắt, đêm tối đã qua, mặt trời xuất hiện, thấy rõ vô số hình sắc, theo ý mà hướng tới. Nên thấy như thế. Đêm tối vô minh kia đã qua, mặt trời tuệ hiện rồi, thì vô số cảnh giới đều trông thấy như thật, kẻ kia không nhận biết, hiểu rõ nẻo xuất ly, ham muốn khổ thọ, nên vui thích dục lạc.

* Kinh viết: “Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như có thiện nam, thiện nữ, có thể đối với pháp môn này thọ trì, đọc tụng, tu hành, tức được Như Lai dùng trí tuệ Phật tất nhận biết, thấy rõ người ấy, tất hiểu đúng người ấy, đều thành tựu được vô lượng, vô biên tụ công đức. Này Tu-bồ-đề! Nếu có các thiện nam, thiện nữ, ba phần trong một ngày, đều dùng thân nhiều như Hằng hà sa để bố thí. Như thế là đã xả thí vô lượng thân như Hằng hà sa, cứ vậy, trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, dùng thân bố thí.

Nếu lại có người nghe pháp môn này, tâm tin tưởng, không hủy báng, thì phước đức đạt được hơn hẳn trường hợp trước vô lượng A-tăng-kỳ. Hướng chi là còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì người khác giảng nói rộng. Này Tu-bồ-đề! Nói tóm lại, kinh này có công đức vô lượng, không thể nghĩ bàn, không thể nêu xung. Pháp môn này, Như Lai vì phát khởi Đại thừa nên thuyết giảng. Vì phát khởi tối thượng thừa nên nêu bày. Nếu có người có thể thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh này, rộng vì kẻ khác giảng nói, Như Lai tất nhận biết người ấy, tất thấy rõ người ấy, đều thành tựu vô hữu biên vô lượng tụ công đức, không thể nghĩ bàn, xung nêu. Người như thế, tức là đã gánh vác lấy đạo quả Chánh giác Vô thượng của Như Lai. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nêu vui thích nơi pháp nhỏ, tức đối với kinh này không thể thọ trì, đọc tụng, tu hành, vì người khác giải nói. Nếu có kiến chấp về ngã, về chúng sinh, về nhân, về thọ giả, mà đối với pháp môn này có thể thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì

người khác giải nói thì không có điều ấy. Nay Tu-bồ-đề! Tại các nơi chốn, nếu có kinh này, thì hết thầy hàng trời, người, A-tu-la ở thế gian đều nên cúng dường. Nên biết nơi chốn ấy tức là Tháp, đều nên cung kính, đánh lễ, nhiễu quanh, dùng các thứ hoa hương tung rải nơi ấy.

Lại nữa, nay Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng kinh này mà bị kẻ khác khinh khi, là vì thiện nam, thiện nữ ấy đời trước tạo nghiệp tội đáng lẽ bị đọa vào nẻo ác, nhưng do công đức của việc thọ trì, đọc tụng kinh, nên đời nay chỉ bị người khác khinh khi. Như thế thì nghiệp tội của đời trước tất được tiêu trừ, thiện nam, thiện nữ kia sẽ đạt đạo quả giác ngộ.

Nay Tu-bồ-đề! Như Lai nhớ lại về thời quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, trước thời Đức Phật Nhiên Đăng, đã được gặp tám mươi bốn ức na-do-tha trăm ngàn vạn chư Phật, Như Lai đều thân cận, thừa sự, cúng dường, không hề bỏ sót. Nay Tu-bồ-đề! Nếu lại có người, vào đời sau cùng của đời vị lai, có thể thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh này, thì công đức đạt được, đối chiếu với công đức cúng dường chư Phật của Ta tất là hơn hẳn. Công đức cúng dường chư Phật của Ta so với công đức có được của người thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh này, không bằng một phần trăm, một phần ngàn, vạn, ức, cho đến toán số, thí dụ cũng không thể nêu hết số lượng công đức ấy.

Nay Tu-bồ-đề! Nếu có các thiện nam, thiện nữ, nơi đời vị lai, có thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh này, thì công đức đạt được, nếu Như Lai nêu bày đầy đủ, hoặc có người nghe, tâm tức cuồng loạn, nghi hoặc không tin. Nay Tu-bồ-đề! Nên biết pháp môn này là không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ 14, nêu: Là sự tham chấp vị tịch tĩnh. Dựa theo mười hai thứ chương ngại cần phải xa lìa, thì đây là lìa sự thiếu kém về tư lương trí.

Kinh nói: Lại nữa, nay Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, có thể đối với pháp môn này thọ trì, đọc tụng, tu hành v.v...: Ở đây là lìa sự duyên dựa của Tam-muội, hiển thị cùng với pháp tương ưng. Có 5 thứ công đức thù thắng:

1. Như Lai nhớ nghĩ, thân cận.
2. Thân giữ phước đức.
3. Tán thán pháp cùng sự tu hành.

4. Chư Thiên v.v... cúng dường.

5. Diệt trừ tội.

+ Thế nào là Như Lai nhớ nghĩ, thân cận?

Kinh nói: Thọ trì, đọc tụng v.v..., Như Lai dùng trí Phật nhận biết. Như Lai dùng mắt Phật thấy rõ sự việc ấy.

Ở đây, thọ là tập tụng. Trì là không vọng.

Hoặc đọc hoặc tụng: Đây là nói về nhân của thọ trì. Vì muốn thọ nên đọc, vì muốn trì nên tụng.

Lại, đọc là tập tụng. Trì là xem biết chung về nghĩa.

+ Thế nào là thâm giữ phước đức? Như kinh nói: Đều được thành tựu vô lượng, vô biên tụ công đức v.v...

+ Thế nào là tán thán pháp cùng sự tu hành? Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nói tóm lại, kinh này là không thể nghĩ bàn, là không thể xưng nêu: Đây là tán thán pháp.

Trong ấy: Không thể nghĩ: Là chỉ tự nhận biết. Không thể xưng: Là không có gì bằng và hơn.

Kinh viết: Pháp môn này, Như Lai vì phát khởi Đại thừa nên thuyết giảng, vì phát khởi Tối thượng thừa nên nêu bày: Đây là thành tựu nghĩa không thể xưng nêu. Trong đó, các thừa khác không bằng nên là tối thượng. Hai chướng phiền não và trí đều được thanh tịnh, nên là tối thắng, nên biết.

Kinh nói: Nếu có người có thể thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, rộng vì người khác thuyết giảng v.v...: Đây là tán thán về sự tu hành. Ở đây, nói Như Lai thấy, biết sự thành tựu vô lượng công đức: Là nói chung. Không thể nghĩ bàn, không thể xưng, không thể lường: Là giải thích. Những người như thế tức là gánh vác đạo quả Bồ-đề Vô thượng của Như Lai: Nghĩa là Bồ-tát gánh vác lấy gánh nặng.

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu người vui thích pháp nhỏ, tức đối với kinh này không thể thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì người khác giảng nói: Là nói về hàng Nhị thừa.

Kinh viết: Nếu có kiến chấp về ngã v.v..., cho đến thọ trì, thì không có điều ấy: Tức là có chúng sinh có kiến chấp về ngã, nhân mà tự cho là Bồ-tát.

+ Thế nào là chư Thiên v.v... cúng dường? Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Tại các nơi chốn, nếu có kinh này thì hết thấy hàng trời, người, A-tu-la ở thế gian đều nên cúng dường v.v...: Ở đây, dùng các thứ vòng hoa, hương đốt, hương xông, hương xoa, hương bột, vải vóc, lông, cò phướn v.v... để cúng dường, cung kính lễ bái, nhiễu quanh, nên gọi là Tháp miếu.

+ Thế nào là diệt trừ tội? Như kinh nói: Nếu các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng kinh này, mà bị người khác khinh khi v.v...: Sự hủy nhục ấy có vô lượng loại, vì nhằm làm rõ điều đó nên nói là khinh khi.

Kinh viết: Sẽ đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Là hiển thị về việc diệt trừ tội.

Trước đã nói do nhân duyên này, nên xuất sinh vô lượng A-tăng-kỳ phước đức, nay sẽ giải thích, nên biết về nghĩa của vô lượng A-tăng-kỳ kia.

Uy lực: Là sự thành thực sáng rõ.

Nhiều: Là đầy đủ. Trong ấy kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ lại về thời quá khứ, vô lượng A-tăng-kỳ kiếp về trước v.v...: Đây là hiển thị về uy lực, tức là uy lực của tụ phước, do tụ phước hiện có ấy là cao xa, thù diệu.

Ở đây, A-tăng-kỳ kiếp: Nên biết là cho đến thời Đức Phật Nhiên Đăng.

Quá A-tăng-kỳ: Là lại vượt quá trước nữa.

Thân cận, thừa sự: Là cúng dường.

Không hề bỏ qua: Là luôn không lìa sự cúng dường.

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Như có các thiện nam, thiện nữ, nơi đời vị lai, có thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh này, tức công đức đạt được, nếu Như Lai nói đầy đủ, thì hoặc có người nghe, tâm sẽ cuồng loạn: Những sự việc như vậy, ở đây đã hiển thị nhiều. Hoặc là nhân tạo sự cuồng, hoặc tâm bị loạn là quả, nên biết. Ở đây nói về uy lực cùng công đức có được kia, người nào có thể nói? Do đó, kinh viết: Tu-bồ-đề nên biết: Pháp môn này là không thể nghĩ bàn. Quả báo cũng không thể nghĩ bàn: Đây là hiển thị thể của phước đó cùng quả là không thể lường tính.

* Kinh viết: “Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng? Thế nào là trụ, thế nào là tu hành, làm thế nào để hàng phục tâm?”

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng, nên sinh tâm như vậy: Ta nên hóa độ, khiến tất cả chúng sinh đều nhập giới Niết-bàn vô dư. Hóa độ, khiến họ đều giải thoát như thế rồi, nhưng không có một chúng sinh nào thật sự được hóa độ – đạt giải thoát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả, tức không phải là Bồ-tát. Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi là Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ 15: Nói về lúc chúng đạo, xa lìa mọi thứ hỷ động. Dựa theo mười hai thứ chương ngại cần xa lìa, thì đây là xa lìa sự tự thân giữ.

Kinh viết: Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, an trụ, tu hành v.v...?

Do đâu lại phát khởi câu hỏi của lúc đầu ấy? Bồ-tát sắp nhập chúng đạo, tự thấy được thắng xứ, khởi niệm: Ta trụ như thế, tu hành như thế, hàng phục tâm như thế, Ta đã hóa độ chúng sinh khiến họ đạt giải thoát. Vì đối trị điều ấy, nên Tôn giả Tu-bồ-đề thưa hỏi: Nên ở nơi thời gian ấy, như chỗ nên trụ, như chỗ nên tu hành, như chỗ nên hàng phục tâm. Đức Thế Tôn đáp: Nên sinh tâm như thế v.v...

Lại, kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh v.v...: Là hiển thị về ngã chấp giữ, Hoặc là tùy miên. Như nói: Ta đang hành thừa Bồ-tát: Đây là đối trị về ngã chấp giữ, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp gọi là Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai, tại trụ xứ của Đức Phật Nhiên Đăng, có pháp để đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật đã giảng nói, thì Đức Như Lai, tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, không có pháp nào để đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Đức Phật nói: Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp, để Như Lai, ở nơi trụ xứ của Đức Phật Nhiên Đăng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nếu có pháp để Như Lai đắc đạo quả ấy, thì Đức Phật Nhiên Đăng tức không thọ ký cho Như Lai: Ông, vào đời vị lai sẽ đắc quả Phật, hiệu là

Thích-ca Mâu-ni. Do thật sự không có pháp để đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thế nên Đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho Như Lai, nói như vậy: Này Thiện nam! Ông vào đời vị lai, sẽ chứng đắc quả vị Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Gọi là Như Lai tức là chân thật như. Nếu có người nói: Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thì người ấy nói không thật. Này Tu-bồ-đề! Thật sự không có pháp để Phật chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Này Tu-bồ-đề! Như Lai đã đạt được đạo quả Giác ngộ vô thượng, trong ấy, không thật không vọng ngữ, thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Này Tu-bồ-đề! Nói là tất cả pháp, tất cả pháp ấy tức phi tất cả pháp, do đó gọi là tất cả pháp”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ 16: Nêu cầu được chỉ dạy trao truyền. Dựa theo mười hai thứ chướng ngại cần được xa lìa thì đây là lìa: không chỉ dạy trao truyền.

Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả nghĩ sao? Như Lai tại trú xứ của Đức Phật Nhiên Đăng, có pháp để đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng chăng? v.v... Lại kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nếu có pháp để Như Lai đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thì Đức Phật Nhiên Đăng tức không thọ ký cho Như Lai: Ông vào đời vị lai sẽ chứng đắc quả vị Phật v.v...: Đây là có ý gì? Nếu pháp Bồ-đề có thể nêu bày, như Phật Nhiên Đăng kia đã nói, thì Như Lai vào thời ấy liền đắc Bồ-đề, Đức Phật Nhiên Đăng tức không thọ ký, nói: Như Lai sẽ chứng đắc v.v... Do pháp ấy không thể nói ra, nên Như Lai vào thời đó không đắc Bồ-đề, thế nên đã thọ ký cho Như Lai. Đây là nghĩa ấy, nên biết.

Lại, do đâu pháp kia không thể nói? Kinh viết: Tu-bồ-đề! Nói Như Lai tức thật chân như. Như thanh tịnh nên gọi là Như Lai. Do như không thể nói nên đã nêu bày như thế. Như thanh tịnh gọi là chân như, cũng như chân kim (vàng ròng). Hoặc nói: Như Lai Nhiên Đăng đối với pháp không đắc Bồ-đề. Đức Thế Tôn vào thời gian sau đã tự chứng đắc Bồ-đề. Vì nhằm lìa chấp giữ ấy, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thì người ấy nói không thật.

Lại, kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Đã đắc đạo quả Giác ngộ vô thượng, trong ấy lời không thật, không vọng: Là hiển bày chân như không hai. Thế nào là không thật? Nghĩa là ngôn thuyết. Không vọng: Nghĩa là Bồ-đề kia không phải là không có ngôn thuyết của thế gian, nên kinh nói: Do đó Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Đây có nghĩa gì? Là hiển bày pháp của tất cả

pháp là như thanh tịnh. Như là hiện hữu nơi tất cả pháp. Đây chính là nghĩa ấy.

Lại, thể của pháp nơi tất cả pháp kia là không thành tựu, vì an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Gọi là tất cả pháp, tất cả pháp ấy tức phi tất cả pháp, đó gọi là tất cả pháp.

HẾT - QUYỂN 2

---o0o---

LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

QUYỂN 3

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ví như có người thân tướng diệu đại. Tu-bồ-đề thưa: Thế Tôn! Như Lai nói thân người diệu đại, tức phi đại thân, do đó Như Lai nói là đại thân. Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế. Nếu nói: Ta sẽ hóa độ vô lượng chúng sinh, khiến họ đạt đến giải thoát, tức chẳng phải là Bồ-tát.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Từng có pháp thật gọi là Bồ-tát chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! Thật không có pháp gọi là Bồ-tát. Thế nên Phật nói tất cả pháp không có chúng sinh, không nhân, không thọ giả”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ 17: Nói về nhập chứng đạo. Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ví như có người thân tướng diệu đại v.v...: Đây là hiện bày lúc nhập chứng đạo, đạt được trí tuệ nên lìa kiêu mạn.

Thế nào là đạt được trí? Có 2 thứ trí:

1. Trí gồm thân chủng tánh.
2. Trí bình đẳng.

Như đạt được trí rồi, thì được sinh nơi nhà Như Lai, quyết định được nối tiếp Phật chủng. Đây là trí gồm thân chủng tánh. Đạt được trí ấy thể có thể đắc diệu thân.

Ở đây, diệu thân: Là thân chí đặc thành tựu, là thân được chuyển y rốt ráo.
Đại thân: Là thân gồm thân thân của tất cả chúng sinh. Nếu ở nơi đềm dài sinh tử của nhà này nguyện sinh, đã được sinh rồi, nên có được thân ấy, đó gọi là trí bình đẳng của diệu thân. Lại có 5 thứ nhân duyên bình đẳng:

1. Tho ác bình đẳng.
2. Pháp vô ngã bình đẳng.
3. Đoạn tương ưng bình đẳng.
4. Tâm không mong cầu tương ưng bình đẳng.
5. Tất cả Bồ-tát chứng đạo bình đẳng.

Đạt được những thứ ấy nên đắc đại thân, là đại thân gồm thân tất cả chúng sinh. Ở trong thân ấy, an lập không phải là tự, không phải là tha.

Kinh nói: Thế Tôn! Như Lai nói thân người diệu, đại tức phi đại thân, do đó Như Lai nói là đại thân v.v...: Ở trong diệu thân ấy, an lập đệ nhất nghĩa. Như thế v.v..., gọi là đắc trí tuệ.

Thế nào là lìa kiêu mạn? Kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy. Nếu nói: Ta sẽ hóa độ vô lượng chúng sinh khiến họ đạt đến giải thoát v.v...: Ở đây, làm thế nào có thể nhận biết? Nếu khởi niệm: Ta hóa độ chúng sinh khiến họ được giải thoát. Ta là Bồ-tát. Nên biết đây là mạn, không phải là Bồ-tát thật nghĩa. Vì nhằm hiển bày điều ấy, nên kinh nói: Do đó, Phật nói tất cả pháp là không chúng sinh v.v...: Nếu Bồ-tát có niệm về chúng sinh, thì không đạt được diệu thân, đại thân.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói như vậy: Ta trang nghiêm quốc độ của Phật, thì không gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Như Lai nói trang nghiêm quốc độ của Phật, tức phi trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm quốc độ của Phật. Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông tỏ về vô ngã, pháp vô ngã, Như Lai nói là Bồ-tát chân thật”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là Trụ xứ thứ 18: Nói về trên cầu Phật địa. Nên biết địa này lại có 6 thứ đầy đủ, thân giữ chuyển y đầy đủ.

1. Quốc độ thanh tịnh đầy đủ.

2. Kiến, trí vô thượng thanh tịnh đầy đủ.

3. Phước tự tại đầy đủ.

4. Thân đầy đủ.

5. Ngữ đầy đủ.

6. Tâm đầy đủ.

Vì Quốc độ thanh tịnh đầy đủ về Tam-muội, nên kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói: Ta trang nghiêm quốc độ của Phật, thì không gọi là Bồ-tát v.v...: Nghĩa này là ở trong phần nói về hành chánh cùng kiến đã chuyển. Nhằm đoạn trừ điều ấy, nên an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh viết: Tức phi trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm quốc độ.

Lại, kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông tỏ về vô ngã, pháp vô ngã: Đây là nói về hai thứ vô ngã: Nghĩa là người vô ngã, pháp vô ngã.

Lại, kinh viết: Như Lai nói là Bồ-tát, Bồ-tát ấy, ở trong hai thứ vô ngã kia, có hai thứ chánh giác: Ở đây là hiển thị những gì?

Nếu nói Ta thành tựu, tức là ngã chấp giữ của người. Trang nghiêm quốc độ, là ngã chấp giữ của pháp. Đây không phải là Bồ-tát.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Nhục nhãn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Nhục nhãn.

Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Thiên nhãn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn.

Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Tuệ nhãn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn.

Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Pháp nhãn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Phật nhãn chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như số cát hiện có nơi sông Hằng, Phật nói là cát chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai nói là cát.

Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như số cát hiện có nơi một sông Hằng, thì có số lượng sông Hằng bằng như thế. Số lượng cát hiện có nơi những sông Hằng ấy, là thế giới của Phật. Thế giới như vậy là nhiều chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Thế giới ấy là rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Trong số lượng thế giới như thế, với chúng sinh hiện có, có từng ấy thứ tâm trụ. Như Lai thấy đều nhận biết. Vì sao? Vì Như Lai nói các tâm trụ đều là phi tâm trụ, đó gọi là tâm trụ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì tâm quá khứ không thể thủ đắc. Tâm hiện tại không thể thủ đắc. Tâm vị lai không thể thủ đắc”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần đầy đủ thứ hai (trong 6 thứ đầy đủ của Phật địa): Nói về Kiến, trí vô thượng thanh tịnh đầy đủ. Kinh viết: Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Nhục nhãn chẳng? v.v... Ở đây có 2 loại:

1. Kiến tịnh.

2. Trí tịnh.

Như Lai không chỉ có Tuệ nhãn. Vì khiến cho trí kiến thanh tịnh thù thắng, nên hiển thị có 5 thứ nhãn (mắt). Nếu khác với đây, thì chỉ cầu Tuệ nhãn kiến tịnh. Ở đây lược nói có 4 thứ nhãn (mắt):

1. Sắc gồm thân.

2. Đệ nhất nghĩa đế gồm thân.

3. Thế đế gồm thân.

4. Hết thấy chủng, tất cả nên biết, gồm thân.

Sắc gồm thân lại có 2 thứ: Là pháp giới và tu giới. Đây là cảnh giới thô của 5 mắt (nhãn), nên sắc gồm thân thứ nhất là trí lực của đệ nhất nghĩa. Thế trí

không điên đảo cùng chuyển, do đây, đệ nhất nghĩa để gồm thâu tại trước. Ở đây, vì người nói pháp. Nếu pháp kia vì người ấy nên thiết lập, thì trí này gọi là Pháp nhãn (mắt pháp). Trong tất cả nên biết, trí không dụng công của hết thấy chung, gọi là Phật nhãn. Những thứ ấy gọi là kiến tịnh. Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như số lượng cát hiện có nơi sông Hằng v.v... Đây là trí tịnh. Ở đây, tâm trụ: Nghĩa là tâm của ba đời. Từng ấy thứ: Nên biết có hai thứ: Là nhiễm và tịnh, tức là tâm cùng dục và tâm lìa dục. Đời: Là nói các phần như quá khứ v.v... Ở trong hai thứ ấy, an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh viết: Như Lai nói các tâm trụ đều là phi tâm trụ, cho đến: Tâm quá khứ không thể thủ đắc v.v...

Ở đây, tâm quá khứ không thể thủ đắc: Là đã diệt. Vị lai: Là chưa có. Hiện tại: Là đệ nhất nghĩa.

Vì cần biết hợp với chúng, nên an lập kiến. Vì giáo hóa các chúng sinh kia khiến tâm tịch tĩnh, nên an lập trí. Ở trong trí tịnh ấy, nói tâm trụ tức phi tâm trụ. Như vậy, trong kiến tịnh, do đâu không nói nhãn tức phi nhãn? Do một trụ xứ, nên kiến trí tịnh, sau mới an lập đệ nhất nghĩa, nên đầu tiên cũng được thành tựu.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Nếu có người đem bảy thứ báu đầy khắp trong Tam thiên đại thiên thế giới để hành bố thí, thì thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên đó nên được phước nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Những người này, do nhân duyên ấy, nên có được phước rất là nhiều. Đức Phật bảo: Đúng thế! Đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Các thiện nam, thiện nữ kia, do nhân duyên ấy nên được tụ phước đức nhiều. Nếu tụ phước đức có thật, Như Lai tức không nói tụ phước đức là tụ phước đức”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần đầy đủ thứ ba: Nói về Phước tụ tại đầy đủ. Như kinh nói: Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Nếu có người đem bảy thứ báu đầy khắp trong Tam thiên đại thiên thế giới v.v...: Ở đây cũng an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu tụ phước đức có thật v.v...

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng sắc thân đầy đủ để thấy Phật chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Không nên dùng sắc thân để thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói sắc thân đầy đủ, tức phi sắc thân đầy đủ, do đó Như Lai nói là sắc thân đầy đủ.

Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng các tướng đầy đủ để thấy Như Lai chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! Không nên dùng các tướng đầy đủ để thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ tức phi đầy đủ, do đó Như Lai nói là các tướng đầy đủ”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần đầy đủ thứ tư: Nói về Thân đầy đủ. Ở đây lại có 2 thứ:

1. Về đẹp đầy đủ.

2. Tướng đầy đủ.

Vì làm rõ về đẹp đầy đủ, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng sắc thân đầy đủ để thấy Phật chăng? v.v...: Trong đây cũng để an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh viết: Như Lai nói là phi đầy đủ v.v...

Vì làm rõ tướng thân đầy đủ, kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng các tướng đầy đủ để thấy Như Lai chăng? v.v...

* Kinh viết: “Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Tôn giả cho là Như Lai có suy niệm: Ta hiện có pháp để thuyết giảng chăng? Chớ nên nghĩ như thế. Vì sao? Vì nếu có người nói Như Lai có thuyết pháp, tức là hủy báng Phật, là không thể hiểu rõ điều Như Lai đã giảng nói. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Như Lai thuyết pháp, thì việc thuyết pháp ấy là không có pháp để có thể thuyết, đó gọi là thuyết pháp”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần đầy đủ thứ năm: Nói về Ngũ đầy đủ. Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Tôn giả cho là Như Lai có khởi niệm: Ta hiện có pháp để thuyết giảng chăng? v.v... Ở đây, để an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh nói: Như Lai thuyết pháp, thì việc thuyết pháp ấy v.v...

* Kinh viết: “Bấy giờ, Huệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Như có chúng sinh nơi đời vị lai, nghe giảng nói về pháp này, có thể sinh tâm tin tưởng chăng? Đức Phật bảo: Chúng sinh ấy là phi chúng sinh, phi chẳng chúng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh, chúng sinh ấy, Như Lai nói là phi chúng sinh, đó gọi là chúng sinh”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần đầy đủ thứ sáu: Nói về Tâm đầy đủ. Ở trong tâm đầy đủ ấy lại có 6 thứ:

1. Niệm xứ.
2. Chánh giác.
3. Thiết lập pháp lợi lớn.
4. Thâu giữ Pháp thân.
5. Không trụ nơi sinh tử, Niết-bàn.
6. Hành trụ thanh tịnh.

Nên biết, vì Niệm xứ trong tâm đầy đủ, nên kinh nói: Thế Tôn! Như có chúng sinh nơi đời vị lai, nghe thuyết giảng pháp này, có thể sinh tâm tin tưởng chẳng? v.v... Xứ ấy, ở trong các chúng sinh là hiển thị như niệm xứ của Đức Thế Tôn.

Chúng sinh kia là phi chúng sinh: Là đệ nhất nghĩa.

Là phi chẳng chúng sinh: Là thế đế.

Người ấy tức là hy hữu bậc nhất: Là hiển thị nói về đệ nhất nghĩa. Là không chung cùng tương ưng. Văn này như trước đã nói.

* Kinh viết: “Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! Vì không có một chút pháp nào gọi là Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Đức Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Ta ở nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cho đến không có một chút pháp nào có thể chứng đắc. Đó gọi là đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, đó gọi là đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Do không chúng sinh, không nhân, không thọ giả, nên đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Này Tu-bồ-đề! Gọi là pháp thiện, pháp thiện ấy Như Lai nói là phi pháp thiện. Đó gọi là pháp thiện”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần thứ hai, nói về Chánh giác ở trong tâm đầy đủ. Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chẳng? v.v...

Ở đây, không có pháp: Là lia lỗi lầm của hữu kiến.

Đã hiển thị Bồ-đề cùng đạo Bồ-đề, nghĩa ấy lại hiển thị Bồ-đề có 2 thứ nhân duyên: Là nói về vô thượng và nói về Chánh đẳng Chánh giác. Trong đó, kinh viết: Không có một chút pháp nào để Như Lai chứng đắc A-nậu-đa-la: Đây là nói về vô thượng, là hiển bày về tự tướng của Bồ-đề, tướng giải thoát của Bồ-đề. Ở đây, không có vi trần để cho là pháp có thể tánh, thế nên cũng không thể thủ đắc, cũng không thật có, nên biết. Kinh nói: Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp ấy là bình đẳng: Là nói về Chánh đẳng Chánh giác, hiển thị tướng bình đẳng của người đạt Bồ-đề.

Trong ấy, bình đẳng: Là do pháp Bồ-đề nên được nhận biết là Phật.

Ở đây, kinh nói không có cao thấp: Là hiển thị tất cả chư Phật, trong đệ nhất nghĩa, thọ mạng bình đẳng không có cao, thấp.

Kinh nói: Do không chúng sinh, không nhân, không thọ giả, nên đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng bình đẳng: Là hiển thị về Bồ-đề, là tướng bình đẳng đối với pháp sinh tử.

Kinh nói: Tu tất cả pháp thiện, đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Là hiển thị về đạo Bồ-đề.

Kinh nói: Gọi là pháp thiện, pháp thiện ấy Như Lai nói là phi pháp thiện, đó gọi là pháp thiện: Đây là an lập tướng của đệ nhất nghĩa.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Các núi chúa Tu-di hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới, nếu có người dùng khối lượng bảy báu bằng như thế để hành bố thí, tức có được phước đức rất nhiều. Nếu lại có người, đối với Kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì kẻ khác giảng nói, thì phước đức đạt được, so với phước đức của trường hợp trước là hơn hẳn. Phước đức của trường hợp trước không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn vạn v.v..., cho đến toán số, thí dụ cũng không thể nêu bày hết được số lượng phước đức ấy.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Tôn giả cho là Như Lai đã khởi niệm: Ta hóa độ chúng sinh chăng? Chớ có kiến như vậy. Vì sao? Vì thật không có chúng sinh để Như Lai hóa độ. Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu thật có chúng sinh để Như Lai hóa độ, thì Như Lai tức có tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói có ngã tức phi có ngã, nhưng hàng phạm phu tối tăm sinh khởi cho là có ngã. Hàng phạm phu tối

tăm sinh khởi, Như Lai nói là phi sinh khởi, do đó nói là hàng phàm phu tối tăm sinh khởi”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần thứ ba: Ở trong tâm đầy đủ kia là Thiết lập pháp lợi lớn. Như kinh nói: Các núi chúa Tu-di hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới v.v... Ở đây vì an lập sự dạy trao của đệ nhất nghĩa, nên kinh viết: Tôn giả cho là Như Lai đã khởi niệm: Ta hóa độ các chúng sinh chăng? v.v...

Lại, kinh nói: Như Lai tức có tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả v.v... Đây có nghĩa gì? Như Lai như nơi cảnh giới mà nhận biết, thế nên, nếu có chúng sinh thì Như Lai tức có ngã chấp giữ, hoặc thật không ngã mà nói là ngã chấp giữ. Vì nhằm lia chấp trước này, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói có ngã, tức là phi có ngã v.v... Thế nên chỉ là hàng trẻ con, phàm phu mới có chấp giữ như thế, nên kinh viết: Hàng phàm phu tối tăm sinh khởi, Như Lai nói là phi sinh khởi, do đây nói là hàng phàm phu tối tăm sinh khởi.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để được thấy Như Lai chăng? Tu-bồ-đề thưa: Như con hiểu về nghĩa của Đức Thế Tôn đã giảng nói, thì không thể dùng tướng thành tựu để được thấy Như Lai.

Đức Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Không thể dùng tướng thành tựu để được thấy Như Lai.

Đức Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu dùng tướng thành tựu để quán Như Lai, thì Chuyên luân Thánh vương nên là Như Lai. Do đây, không thể dùng tướng thành tựu để được thấy Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu dùng sắc thấy Ta

Dùng âm thanh tìm Ta

Người ấy hành nẻo tà

Không thể thấy Như Lai.

Thê diệu của Như Lai

Tức Pháp thân chư Phật

Thể pháp không thể thấy

Thức kia chẳng thể biết.

Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có thể dùng tướng thành tựu chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? Này Tu-bồ-đề! Chớ nên khởi niệm ấy, cho là Như Lai do tướng thành tựu chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần thứ tư: Nói về Thân giữ Pháp thân ở trong tâm đầy đủ. Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để được thấy Như Lai chăng? v.v...

Ở đây, kệ thứ nhất hiển thị như chỗ không nên thấy, không thể thấy. Vì sao không thể thấy? Vì các thứ thấy là thế đế. Người ấy hành tĩnh tà: Định gọi là tĩnh, do đạt được thiền nên gọi là tịch tĩnh, gọi là người tịch tĩnh. Lại, thiền gọi là tư duy tu, trong ấy, tư là thuộc về ý, tu là thuộc về thức. Nói tịch tĩnh tức là nói về giác và thức, nên biết đây là thuộc về thế đế. Người kia không thể thấy: Nghĩa là người ấy đã hành theo thế đế.

Kệ thứ hai hiển bày như người kia không nên thấy, cùng nhân duyên không nên. Nghĩa là phần đầu, phần tiếp theo, trong đó, kệ nói: “Do pháp nên thấy Phật”, thì pháp là nghĩa chân như. Đây là nhân duyên gì? Kệ nêu: “Đạo sư pháp làm thân”. Do như làm duyên, nên xuất sinh thân chư Phật thanh tịnh. Thân ấy không thể thấy, chỉ nên thấy pháp, tức kẻ kia không thể thấy. Lại do nhân duyên gì nên không thể thấy? Là do tướng chân như của pháp kia, không phải như ngôn thuyết mà nhận biết, chỉ tự chứng biết.

Không như ngôn thuyết: Là không phải thấy thật, không thể nhận biết. Vì nhằm hiển thị nghĩa ấy, nên kệ nói:

Thể pháp không thể thấy

Thức kia chẳng thể biết.

Ở trong trụ xứ này, được hiển thị do Pháp thân nên thấy Như Lai, không phải do tướng đầy đủ. Nếu thế, Như Lai tuy không nên dùng tướng đầy đủ để thấy, nhưng tướng đầy đủ là nhân để chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Vì để lìa chấp trước này, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn

giả thế nào? Như Lai có thể dùng tướng thành tựu để đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng Như Lai? Đây Tu-bồ-đề! Chớ nên khởi niệm như thế: nghĩa này nêu rõ tướng đầy đủ, thế không phải là Bồ-đề, cũng không dùng tướng đầy đủ làm nhân, do tướng là tự tánh của sắc.

* Kinh viết: “Đây Tu-bồ-đề! Tôn giả nếu khởi niệm này: Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng, là nói tướng đoạn diệt của các pháp. Đây Tu-bồ-đề! Chớ nên khởi niệm như thế. Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, đối với pháp không nói về tướng đoạn diệt. Đây Tu-bồ-đề! Nếu có các thiện nam, thiện nữ, đem bảy thứ báu đầy khắp trong Hằng hà sa thế giới để hành bố thí. Nếu lại có Bồ-tát nhận biết về tất cả pháp là vô ngã, đắc pháp Nhẫn vô sinh, thì công đức của Bồ-tát này hơn hẳn phước đức đã đạt được của trường hợp trước. Đây Tu-bồ-đề! Do các Bồ-tát không chấp giữ nơi phước đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Bồ-tát không chấp giữ phước đức.

Đức Phật nói: Đây Tu-bồ-đề! Bồ-tát thọ nhận phước đức nhưng không chấp giữ phước đức. Thế nên Bồ-tát nhận lấy phước đức”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần thứ năm: Nói về Không trụ nơi sinh tử Niết-bàn, ở trong tâm đầy đủ. Ở đây có 2:

1. Không trụ nơi Niết-bàn.
2. Không trụ nơi sinh tử.

Vì không trụ nơi Niết-bàn, như kinh nói: Đây Tu-bồ-đề! Tôn giả nếu khởi niệm này: Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, là nói về tướng đoạn diệt của các pháp v.v.... Ở đây kinh nói: Đối với pháp không nói đoạn diệt: Nghĩa là như pháp đã trụ mà thông tỏ, không đoạn pháp ảnh tượng của hết thủy sinh tử. Đối với Niết-bàn tự tại, hành sự tạo lợi ích cho chúng sinh. Trong đây là nhằm ngăn chặn nẻo hoàn toàn tịch tĩnh, hiển thị không trụ nơi Niết-bàn. Nếu không trụ nơi Niết-bàn thì phải thọ nhận sinh tử khổ não, vì nhằm lìa bỏ chấp trước ấy, hiển thị không trụ nơi lưu chuyển, nên kinh viết: Đây Tu-bồ-đề! Nếu các thiện nam, thiện nữ dùng bảy thứ báu chất đầy khắp Hằng hà sa thế giới để hành bố thí v.v...

Ở đây, kinh nói: Vô ngã, pháp Nhẫn vô sinh: Là nghĩa gì?

Như Lai, đối với pháp hữu vi đạt được tự tại, nên không có ngã, pháp của sinh tử ấy, lại không phải từ lực của phiền não nghiệp sinh, nên vô sinh, gọi là vô ngã. Vô sinh: Ở đây làm sao được hiển thị? Như nói thấu giữ phước khác, hãy còn ở trong sinh tử không thọ nhận khổ não, hướng chi là Bồ-tát ở trong pháp vô ngã vô sinh đã được nhận rồi, phước đức được sinh hơn hẳn trường hợp kia. Kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Do các Bồ-tát không chấp giữ phước đức: Đây là hiển bày không trụ nơi sinh tử, nếu trụ nơi sinh tử tức thọ nhận tụ phước.

Lại, kinh viết: Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Bồ-tát không chấp giữ phước đức: Đây có nghĩa gì? Do Đức Thế Tôn ở nơi chỗ khác nói nên thọ nhận tụ phước, nên kinh viết: Phật nói: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thọ nhận phước đức nhưng không chấp giữ phước đức. Do đó Bồ-tát nhận lấy phước đức: Đây là hiển thị dùng phương tiện, nên thọ nhận mà không nên chấp giữ.”

Thọ nhận là nói có. Giữ lấy là tu đạo kia, như tụ phước cùng trong quả, đều không nên chấp trước.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Như có người nói: Như Lai hoặc đi hoặc đến, hoặc đứng hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người ấy đã không lãnh hội được ý nghĩa Như Lai đã giảng nói. Vì sao? Vì Như Lai là không từ đâu đến cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần thứ sáu: Nói về Hành trụ thanh tịnh ở trong tâm đầy đủ.

Ở đây nên biết lại có 3 thứ:

1. Hành trụ oai nghi.
2. Quán danh sắc làm rõ hành trụ tự tại.
3. Hành trụ không nhiễm.

Vì nêu rõ Hành trụ oai nghi, nên kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai hoặc đi hoặc đến v.v...

Ở đây, hành là đi, đến. Trụ là các oai nghi còn lại.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, đem Tam thiên đại thiên thế giới nghiền nhỏ thành vi trần, lại đem từng ấy vi trần thế giới

nghiền nhỏ làm A-tăng-kỳ vi trần. Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Số lượng vi trần ấy nên cho là nhiều chăng? Tu-bồ-đề thưa: Số lượng vi trần ấy là rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Vì nếu số lượng vi trần ấy là thật có, thì Đức Phật tức không nói là các vi trần. Vì sao? Vì Đức Phật nói các vi trần tức phi các vi trần, do đây Phật nói là các vi trần thế giới. Như Lai đã nói Tam thiên đại thiên thế giới tức phi thế giới, thế nên Như Lai nói là Tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Vì nếu thế giới là thật có, tức là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng tức phi hợp tướng, thế nên Như Lai nói là một hợp tướng. Đức Phật bảo: Này Tu-bồ-đề! Một hợp tướng ấy tức là không thể nói. Chỉ vì người phạm phu tham chấp nơi sự. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Phật đã nói về kiến ngã, kiến nhân, kiến chúng sinh, kiến thọ giả, theo ý của Tôn giả nghĩ sao? Người ấy đã nói là chánh ngữ chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không phải, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Như Lai nói kiến chấp về ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, tức phi kiến chấp về ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, đó gọi là kiến chấp về ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, đối với tất cả pháp, nên biết như thế, nên thấy như thế, nên tin như thế, nên không trụ nơi tướng của pháp như thế. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Gọi là tướng của pháp, tướng của pháp ấy, Như Lai nói tức phi tướng của pháp, đó gọi là tướng của pháp”.

* Luận nêu: Từ đây tiếp xuống là làm rõ Hành trụ tự tại của thân danh sắc. Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, đem Tam thiên đại thiên thế giới nghiền nát thành vi trần v.v... Ở đây, phương tiện tế mạt chính là phương tiện không chỗ thấy. Về sự làm rõ ấy, như trước đã nói, nên biết. Kinh viết: Số lượng vi trần kia là rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn: Là nói về phương tiện tế mạt. Kinh nói: Nếu số lượng vi trần ấy là thật có, thì Đức Phật tức không nói là số lượng vi trần v.v...: Đó là phương tiện không chỗ thấy. Ở đây có nghĩa gì? Nếu số lượng vi trần nơi đệ nhất nghĩa là có, thì Đức Thế Tôn tức không nói là phi số lượng. Kinh viết: Phật nói số lượng vi trần, tức phi số lượng vi trần, thế nên Đức Phật nói là số lượng vi trần. Do thể của tự ấy là không thành. Nếu khác với đây, tuy không nói cũng tự nhận biết là tự, theo nghĩa nào cần nói. Kinh viết: Như Lai đã nói Tam thiên đại thiên thế giới v.v...: Đây là phương tiện không chỗ thấy. Ở đây làm rõ về danh thân cũng như trước đã nói, nên biết.

Ở đây, thế giới là nêu rõ về thế giới của chúng sinh. Thế giới kia chỉ được gọi là danh thân. Kinh viết: Nếu thế giới là thật có, tức là một hợp tướng: Ở đây là cùng nêu, hoặc thế giới hoặc vi trần giới, nên có 2 thứ nắm giữ:

1. Năm giữ duy nhất.

2. Năm giữ sai biệt.

Loại chúng sinh, thể giới chúng sinh là có: Đây là năm giữ duy nhất. Vì trần là có: Đây là năm giữ sai biệt. Do giữ lấy số lượng vì trần được tập hợp. Kinh nói: Như Lai nói một hợp tướng tức phi một hợp tướng v.v...: Đây là Thượng tọa Tu-bồ-đề an lập đệ nhất nghĩa. Đức Thế Tôn vì thành tựu nghĩa như vậy, nên kinh viết: Một hợp tướng: Tức là không thể nói v.v... Đây là điều gì được hiển thị? Theo ngôn thuyết của thế gian nên có, còn sự năm giữ kia là đệ nhất nghĩa, nên pháp ấy không thể nói. Trẻ con, hàng phàm phu kia theo như ngôn thuyết, đã chấp giữ, không phải là đệ nhất nghĩa. Đã nói về phương tiện không chỗ thấy, còn nghĩa làm rõ thì chưa nói. Trong không chỗ thấy, lúc nhập Tam-muội tương ưng là không phân biệt. Nghĩa là như chỗ không phân biệt cùng người nào, pháp nào, phương tiện nào. Vì sao không phân biệt? Điều này, đoạn sau sẽ nói đủ. Kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Nếu có người nói như vậy: Phật nói kiến chấp về ngã v.v... Do cùng hiển thị như chỗ không phân biệt. Vì sao được hiển thị? Như ngoại đạo nói ngã, Như Lai nói là ngã kiến, nên an lập nhân vô ngã. Lại, vì nói ngã kiến này là có nên an lập pháp vô ngã. Nếu ngã kiến kia là có, thuộc về kiến, Bồ-tát quan sát như thế, lúc nhập Tam-muội tương ưng thì không còn phân biệt nữa, tức quan sát ấy là nhập phương tiện.

Kinh nói: Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng: Đây là hiển thị không phân biệt về người. Kinh viết: Đối với tất cả pháp: Đây là hiển thị ở nơi pháp nào không phân biệt.

Kinh nói: Nên biết như vậy, thấy như vậy, tin như vậy: Đây là hiển thị tâm tăng thượng, trí tăng thượng, ở trong không phân biệt thấy biết thắng giải. Ở đây, nếu trí dựa nơi Chỉ nên biết, dựa vào Quán nên thấy. Hai thứ ấy dựa nơi Tam-muội nên thắng giải, do Tam-muội tự tại, nên hiểu rõ về ảnh tượng duyên dựa bên trong, đây gọi là thắng giải.

Kinh nói: Như thế là không trụ nơi tướng của pháp: Đây chính là hiển thị về không phân biệt. Kinh viết: Gọi là tướng của pháp, thì tướng của pháp ấy, Như Lai nói tức phi tướng của pháp, đó gọi là tướng của pháp: Đây là hiển thị về nghĩa không chung cùng nghĩa tương ưng trong tướng của pháp, như trước đã nói. Như thế, trong tất cả trụ xứ, phương tiện của Tam-muội tương ưng cũng vậy, nên biết. Dục nguyện cùng thấu giữ sự tán loạn, hai thứ ấy

như trước đã nêu. Lại không có nghĩa khác, nên không nói lại về phương tiện.

* Kinh viết: “Này Tu-bồ-đề! Như có Đại Bồ-tát, dùng bảy thứ báu đầy khắp trong vô lượng A-tăng-kỳ thế giới để hành bố thí. Nếu lại có thiện nam, thiện nữ phát tâm Bồ-tát, đối với Kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì kẻ khác giảng nói, thì phước đức có được hơn hẳn trường hợp trước gấp vô lượng A-tăng-kỳ lần.

Thế nào là vì người diễn nói, mà không gọi là nói, đó gọi là nói:

Hết thầy pháp hữu vi

Như sao, màng, đèn, huyền

Sương, bọt, mộng, chớp, mây

Nên quán xét như thế”.

* Luận nêu: Từ đây trở xuống là phần thứ ba, nói về Hành trụ không nhiễm. Ở đây có 2 loại:

1. Thuyết pháp không nhiễm.

2. Lưu chuyển không nhiễm.

Vì nêu về thuyết pháp không nhiễm, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát, đem bảy thứ báu chứa đầy khắp trong vô lượng A-tăng-kỳ thế giới v.v...: Đây là hiển bày về điều gì? Do có được lợi ích lớn như thế, nên quyết định cần diễn nói, diễn nói như thế là không chỗ nhiễm. Kinh viết: Thế nào là vì người diễn nói mà không gọi là nói, đó gọi là nói: Đây có nghĩa gì? Là hiển thị không thể ngôn thuyết, nên không diễn nói pháp kia. Do thể tánh có thể nêu bày, nên diễn nói như thế. Nếu khác với điều ấy, tức là thuyết giảng có nhiễm, do nghĩa điên đảo. Lại, lúc nói như thế, không cầu tín, kính v.v..., cũng là thuyết pháp không nhiễm.

Vì nêu bày về lưu chuyển không nhiễm, nên kệ nói:

Hết thầy pháp hữu vi.

Như sao, màng, đèn, huyền v.v...

Kệ này hiển thị 4 thứ tướng hữu vi:

1. Tướng của tự tánh.
2. Tướng của vị đã trụ.
3. Tướng thuận theo lỗi lầm.
4. Tướng tùy thuận xuất ly.

Ở đây, tướng của tự tánh: Là tướng chung nơi kiến, thức. Tướng này như ánh sao, nên thấy như thế. Vì sao? Vì trong tối tăm không trí thì có ánh sáng kia. Trong chỗ sáng rõ có trí thì không có ánh sáng ấy. Ngã kiến của người, pháp như màng mắt bị đau, nên thấy như thế. Vì sao? Vì do chấp giữ vô nghĩa. Thức như đèn, nên thấy như thế. Vì sao? Vì khát ái đã thấm nhuần nơi duyên của thủ, nên càng cháy bùng. Ở đây, chấp trước là tướng của vị đã trụ: Vị chấp trước nơi cảnh giới điên đảo, nên cảnh giới ấy như huyễn, nên thấy như thế. Vì sao? Vì do kiến điên đảo.

Tướng thuận theo lỗi lầm ở đây, là thuận theo vô thường v.v... Thí dụ về sương kia, là hiển bày thể của tướng không có, do thuận theo vô thường. Thí dụ về bọt nước, là hiển thị về sự thuận theo thể của khổ, do thọ như bọt nước, hoặc có thọ đều là khổ, do ba khổ, tùy theo đấy mà có, nên biết. Khổ kia sinh nên là khổ khổ. Bị hoại diệt nên là hoại khổ. Không lia nhau nên là hành khổ. Lại ở trong thiền thứ tư và vô sắc lập thọ không khổ không lạc, cho là hơn hẳn.

Ở đây, tướng tùy thuận xuất ly: Là tùy thuận người pháp vô ngã, do duyên hợp nên được xuất ly, nên nói vô ngã được xem là xuất ly. Tùy thuận: Nghĩa là hành của quá khứ v.v... dùng thí dụ như mộng: Là hiển thị hành quá khứ kia, do xứ đã được nhớ nghĩ nên như mộng.

Hiện tại là thời gian không trụ lâu, nên như ánh chớp.

Vị lai là chủng tử thô ác kia tự như hư không, dẫn tâm xuất hiện nên như mây.

Như thế, nhận biết về hành của ba đời chuyên sinh rồi, tức thông tỏ về vô ngã. Đây là hiển thị về tướng tùy thuận xuất ly.

* Kinh viết: “Đức Phật thuyết giảng kinh này xong, Trưởng lão Tu-bồ-đề cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Đại Bồ-tát, tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... của thế gian, nghe Phật giảng nói, đều vô cùng hoan hỷ, tin thọ, phụng hành”.

* Luận nêu: Kệ nói:

Nếu nghe nghĩa như thế

Nơi Đại thừa không ngộ

Ta nghĩ quá hơn đá

Là cứu cánh không nhân.

Người kém, nơi pháp sâu

Không thể biết cùng tin

Người đời nhiều như vậy

Do đầy pháp hoang phế.

HẾT - QUYỂN 3

*ĐẠI TẠNG KINH TUỆ QUANG
Đại Chánh Đại Tạng Tập 25
do Cư Sĩ Nguyên Huệ hiệu đính*

---o0o---

HẾT